

# **Từ phong trào Katip Sumat đến mặt trận Ja Thak Wa (1833-1835)**

P. Gs. Po Dharma  
(Viện Viên Đông Pháp)

Năm 1832 đánh dấu ngày từ trần ở Sài Gòn của Lê Văn Duyệt, một ông tổng trấn Gia Định Thành dám đứng ra bảo hộ cho vương quốc Panduranga-Champa chống lại triều đình Huế. Lợi dụng cơ hội đó, hoàng đế Minh Mệnh ra lệnh xô quân chinh phạt Panduranga-Champa để trả thù cho vua chúa của vương quốc này đã yểm trợ cho chiêu bài độc lập ở Gia Định Thành do Lê Văn Duyệt đề xướng. Đây là một phương thức vô cùng dã man chưa từng xảy ra trong lịch sử Đông Nam Á, nhằm trừng phạt tất cả quan lại Panduranga đã theo Lê Văn Duyệt và xóa bỏ Champa trên bản đồ Đông Dương.

Sau ngày diệt vong vào năm 1832, nhân dân Champa chỉ biết kêu than vì thuế má quá nặng nề, vì lao động khổ sai ngày đêm, vì sự độc đoán và thối nát của các quan lại người Việt, vì các cường hào ác bá chỉ biết tước đoạt của cải của dân bản xứ Champa. Một khi không chịu nổi nữa những thống khổ bi đát này, những tang thương của một dân tộc vong quốc, nhân dân Champa chỉ còn con đường duy nhất là vùng dậy chống lại kẻ xâm lược. Cuộc biến động đầu tiên sau ngày Champa diệt vong vào năm 1832 là sự vùng dậy của Katip Sumat vào năm 1833-1834.

## **Phong trào Katip Sumat (1833-1834)**

Khởi điểm cho sự vùng dậy của Katip Sumat là những biến động chính trị và quân sự đã xảy ra ở Gia Định Thành (Sài Gòn) sau ngày từ trần của Lê Văn Duyệt vào năm 1832.

Ngày thứ 8 tháng 5 của năm quý ty (1833), biên niên sử Việt

Nam<sup>1</sup> viết rằng Lê Văn Khôi, con nuôi của Lê Văn Duyệt, tụ họp những người trung thành của mình để vùng dậy chống lại tập quyền trung ương của triều đình Huế và xô quân tấn công thành Gia Định. Chỉ trong vòng một tháng, Lê Văn Khôi làm chủ sáu tỉnh miền Nam.

Cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi đánh dấu đoạn đầu của sự loạn lạc trên đất nước Việt Nam. Vào tháng 6 cùng năm quý ty (1833), biên niên sử Việt Nam lại nói đến cuộc khởi nghĩa chống Minh Mệnh của Lê Duy Lương trong các tỉnh Ninh Bình và Hưng Hóa<sup>2</sup>. Một tháng sau đó, Nùng Văn Vân, anh rể của Lê Văn Khôi<sup>3</sup> phát động phong trào nổi dậy đồng loạt trên khắp lãnh thổ vùng cao của Bắc Việt<sup>4</sup>. Và cũng vào thời điểm này, đã xảy ra cuộc khởi nghĩa chống triều đình Huế trên lãnh thổ của Pandurang-Champa của Katip Sumat.

Katip là chức sắc của Hồi Giáo. Tên thật của ông là Sumat, sinh ở Cao Miên (một vài bản văn khác viết là Tamat)<sup>5</sup>. Theo tư liệu viết bằng tiếng Chăm CM 26 (14) trang 81, Katip Sumat đã sang Mã Lai trong nhiều năm để theo học kinh thánh Hồi Giáo ở Makah (địa danh ám chỉ tiểu vương quốc Kalentan của Mã Lai)<sup>6</sup>, nhưng tư liệu này không nói rõ ngày tháng sự hiện diện của ông ta ở Mã Lai. Chính vì thế, chúng tôi không biết cuộc nổi dậy này bùng ra trước hay sau cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi. Dù thế nào đi nữa, các biên niên sử Việt Nam<sup>7</sup> cho rằng sự nổi dậy của Katip Sumat không có liên hệ gì đến cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi, mặc dù Minh Mệnh cứ kết tội Katip

---

<sup>1</sup> QTCB, trang 158. Xem thêm J. Sylvestre, 1915, trang 22-23.

<sup>2</sup> QTCB, trang 159.

<sup>3</sup> Nguyễn Phan Quang, 1981-1982, trang 22.

<sup>4</sup> Tháng thứ 7 năm con Ty (1833), Nùng Văn Vân tấn công những vùng Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng và Lạng Sơn. Phong trào của ông ta có liên hệ chặt chẽ với người anh rể là Lê Văn Khôi, tiếp tục cho đến tháng thứ ba của năm Mùi (1835). QTCB, trang 158; MMCY, quyển V, trang 145; Trần Trọng Kim II, 1971, trang 206.

<sup>5</sup> CM 32 (6), trang 113; CM 24 (5), trang 162.

<sup>6</sup> Hôm nay, người Mã Lai vẫn còn gọi Kalentan là serambi Makah = mái hiên của thánh địa Hồi Giáo.

<sup>7</sup> MMCY, tập I, trang 69; DNTLCB, tập XII, trang 282-284; DNNTC, tập XII (Hà Nội) 1971, trang 146-137. Xem thêm Nghiêm Thẩm, 1960, trang 1359; H. Parmentier, *BEFEO*, V, trang 10; Bửu Cầm, 1958, trang 1249.

Sumat có nhận yểm trợ của nhóm nổi loạn người Việt ở miền nam<sup>8</sup>.

#### **Katip Sumat đến Panduranga**

Các ký lục Chăm ghi rằng Katip Sumat, sau một thời gian du học tại Makah (Mã Lai), ông ta trở về Cao Miên, một vương quốc cũng bị Minh Mệnh chiếm đóng. Từ Cao Miên, ông ta và nhiều môn đệ Hồi Giáo quyết định trở về Panduranga-Champa để tập trung lực lượng kháng chiến chống quân xâm lăng và giải phóng đất nước. Được các đạo hữu Hồi Giáo người Chăm đón tiếp rất nồng hậu, vì Katip Sumat là người rất tinh thông về kinh thánh Coran. Đối với người Chăm, ông ta là vị siêu nhân về quyền năng màu nhiệm, di chuyển mà không để lại dấu vết. Các quan lại chức sắc Panduranga rất khâm phục Katip Sumat và quyết tâm sẽ gia nhập vào cuộc khởi nghĩa chống Minh Mệnh do ông ta lãnh đạo<sup>9</sup>. Cự quốc vương Panduranga là Po Phaok The và nhiều nhân vật quan trọng khác như Po Nyi Liang, Po Ling, Po Ceng và Katip Ja Thak Wa cùng đồng tình tham gia vào cuộc cách mạng này<sup>10</sup>.

---

<sup>8</sup> Theo DNTLCB (tập XVI, trang 280), dường như cự quốc vương Panduranga-Champa Po Phaok The, một thành viên duy nhất của phong trào Katip Sumat có đặt đường dây liên lạc với Lê Văn Khôi. Vì rằng một người gần gũi với Po Phaok The, tên là Đinh Mỗ bị bắt trong trận đụng độ giữa quân lính Lê Văn Khôi và đoàn quân triều đình Huế ở Gia Định Thành, đã khai rằng ông ta là người mang thư của Lê Văn Khôi giao cho Po Phaok The để yêu cầu hai bên nên liên hiệp trong một tổ chức chung hầu chống lại triều đình Huế. Po Phaok The đồng ý quan điểm của Lê Văn Khôi. Nhưng sự liên hiệp này đã đưa chúng tôi đặt ra bao nghi vấn. Tại sao Po Phaok The lại bỏ rơi phong trào của Katip Sumat để liên hiệp với nhóm Lê Văn Khôi. Dựa trên sử liệu tiếng Chăm CM 32(6), sự ra đời của phong trào Katip Sumat không liên hệ gì với Po Phaok The và ông ta gia nhập tổ chức này trong một thời gian rất là ngắn ngủi. Có chăng vì không có chân đứng trong phong trào của Katip Sumat đã đưa đẩy ông ta liên kết với lực lượng khác, dù lực lượng này là tổ chức của người Việt Nam. Điều mà chúng tôi muốn đặt lại vấn đề ở đây, nếu Minh Mệnh kết án tử hình ông ta vào năm 1835 vì tội liên hệ với Lê Văn Khôi hay là vì ông ta là thành viên ngắn hạn của phong trào katip Sumat?.

<sup>9</sup> CM 32 (6), trang 113.

<sup>10</sup> Theo sử liệu tiếng Chăm CAM 29 (1), thi tiết số 4, Po Phaok The bị bắt vào tháng 3 của năm con rồng của niên lịch Panduranga, tức là 1832 và bị đày ra Huế nơi mà ông ta bị kết án tù giam tại lao xá của thủ đô. Nếu sử liệu tiếng Chăm cho rằng

**Sự rối ren trong nội bộ**

Với mục đích chuẩn bị cuộc nổi dậy trong những điều kiện tốt nhất, ban tổ chức quyết định giữ bí mật về sự hiện diện của Katip Sumat ở Panduranga cho đến khi cuộc khởi nghĩa bùng nổ<sup>11</sup>. Tiếc rằng, một cựu quan lại người Chăm Ahiér (tạm gọi là Chăm Bà La Môn), là Po Kabait Thuac, trước kia đã từng gia nhập vào phong trào nổi dậy chống triều đình Huế, vì sợ những cuộc trừng phạt sau này, lại đi tố cáo với chính quyền Việt Nam về cuộc vùng dậy của Katip Sumat. Hoàng đế Minh Mệnh ra lệnh tức thì truy nã những kẻ âm mưu về tội chứa chấp Katip Sumat. Vì trung thành với tổ chức, những nhân vật bị bắt quyết tâm không tiết lộ sự bí mật này. Chính vì thế, toà án Việt Nam phải trao trả tự do cho những người bị cáo, vì không đủ bằng chứng. Ngược lại, toà án Việt Nam lại kết án tử hình Po Kabait Thuac về tội tố cáo người khác không bằng chứng. Sự kiện này đã chứng minh một cách rõ rệt là triều đình Huế không nắm được tình hình cộng đồng Champa, có nghĩa là hoàn toàn không nhận được tin tức gì về những dao động xã hội-chính trị ở Panduranga thời đó<sup>12</sup>.

**Chủ thuyết thánh chiến**

Trước biến cố tố tụng nhau và không trung thành với mặt trận của một số người Chăm, Katip Sumat bắt đầu đặt lại vấn đề, có chăng ông ta nên chấm dứt lãnh đạo cuộc vùng dậy này để trở về Cao Miên

---

ông ta gia nhập vào phong trào của Katip Sumat có nghĩa là ông ta không còn là tù binh vào năm 1833. Đây là vấn đề khuất mắt vẫn chưa có câu trả lời.

<sup>11</sup> CM 24 (5), trang 162-63 và CM 32 (6), trang 113 đến 109.

<sup>12</sup> Chúng ta không ngạc nhiên cho lắm khi được biết là rất hiếm người Việt thời đó (kể cả hôm nay) biết nói tiếng Chăm hay tiếng Cao Nguyên (Churu, Raglai, Kaho) mà triều đình Huế có thể kết nạp để dò thám sự việc xảy ra ở Panduranga-Champa. Mặt khác, cách cư xử quá kiêu ngạo của các quan lại và cư dân người Việt ở phủ Bình Thuận mà dân bản xứ Champa gán cho họ là những kẻ ác ôn còn đồ hay nhóm xâm lược, không thể nào chinh phục nổi dân bản xứ để cung cấp những tin tức mà triều đình Huế cần biết đến.

an phận<sup>13</sup>. Nghe tin này, tất cả thành viên của Katip Sumat van xin ông ta nên tiếp tục phong trào đấu tranh giải phóng Panduranga-Champa. Ông chấp nhận lời yêu cầu với điều kiện là phong trào đấu tranh này phải dựa trên chủ thuyết Hồi Giáo để đưa các thành viên mình vào kỷ luật sắc bén, có nhiều can đảm và bản lĩnh trung thành với tổ chức, vì họ đã có lòng tin vào thượng đế Allah. Một khi đã công nhận Allah là đáng tối cao, các thành viên sẽ sẵn sàng hy sinh tánh mạng để cứu dân tộc theo lời yêu cầu của thượng đế.

Để thực hiện dự án này, Katip Sumat tập hợp tất cả những thành viên của mình trên hòn núi con công (*cek aih amrak*) ở Đòng Nai<sup>14</sup> để học hỏi giáo lý Islam và tập luyện chiến thuật tấn công. Sau đó, ông ta gọi nhiều thành viên của mình đi khắp vùng Raglai và Churu để kết nạp thành viên mới và giáo dục họ phải có lòng tin vào giáo lý và kỷ luật Hồi Giáo. Cũng trong dịp này, Katip Sumat ra lệnh thủ tiêu tất cả những chức sắc Chăm Bani chống lại phong trào truyền bá Islam của ông ta<sup>15</sup>.

Ai cũng biết, mục tiêu của Katip Sumat là giải phóng Panduranga-Champa ra khỏi ách thống trị của triều đình Huế. Nhưng đường lối tổ chức của ông ta cho thấy rằng ông ta quan tâm đặc biệt hơn đến việc truyền bá đạo Islam và ao ước biến Panduranga-Champa thành lãnh thổ Hồi Giáo mà ông ta không bao giờ thực hiện được ở Cao Miên<sup>16</sup>. Nhằm tiến đến mục tiêu của mình, Katip Sumat đưa ra

---

<sup>13</sup> Theo sử liệu tiếng Chăm CM 24 (5) trang 163 và CM 32(5) trang 109, Katip Sumat nhận định rằng một số người Chăm ở Panduranga là thành phần quá tồi bại, muốn loại trừ ông ta. Đối với nhóm người Chăm chủ bại này, sự chiến đấu chống triều đình Huế của Katip Sumat chỉ gây ra bao tai hại cho một số quan lại người Chăm ở Việt Nam. Vì không còn hậu thuẫn, Katip Sumat quyết định trở lại Cao Miên để an thân.

<sup>14</sup> DNTLCB (tập XVI, trang 120) cho rằng cuộc tập kết của các người nổi dậy này diễn ra trên hòn núi Chử Điện vào năm 1833. Sự xác nhận của DNTLCB rất là có lý. Vì rằng, những cuộc vùng dậy ở Panduranga thường tập trung ở khu vực Đòng Nai Thượng, một chỗ ẩn trú rất bảo đảm và an toàn, vì quân lính của triều đình Huế không bao giờ dám mạo hiểm tới đó.

<sup>15</sup> CM 32 (6).

<sup>16</sup> Sau ngày vua Cao Miên tên là Ramathipati đệ nhất hay là Cau Banya Cand (1642-1658) kết hôn với một cô gái gốc Chăm hay Mã Lai quyết định bỏ Phật Giáo để theo đạo Hồi, những người Chăm định cư tại Cao Miên có ý định nhiều lần thành

một chủ thuyết đấu tranh hoàn toàn mới lạ ở Đông Dương, đó là thánh chiến Hồi Giáo (Jihâd) chống lại Việt Nam<sup>17</sup>

Sau khi từ chối qui phục triều đình Huế<sup>18</sup>, Katip Sumat giao cho Tuan Lik<sup>19</sup> quyền chỉ huy vùng Phan Rí, cho quan lại Kuac Riwa quyền chỉ huy vùng Long Hương và cho Katip Ja Thak Wa<sup>20</sup> quyền chỉ huy vùng Phan Rang. Một khi đã chuẩn bị xong, ông ta ra lệnh phát cờ mang dòng chữ “Po Rasak”<sup>21</sup> rồi tiến quân tấn công quân Minh Mệnh ở Panduranga-Champa.

Cuộc nổi dậy này phải là một biến cố quân sự vô cùng quan trọng, bởi vì hoàng đế Minh Mệnh, chẳng những đưa hàng ngàn binh lính tinh nhuệ chống lại Katip Sumat mà còn ra lệnh cho các cư dân Việt ở khu vực Bình Thuận phải đứng ra góp sức vào cuộc chiến để chống quân nổi loạn này<sup>22</sup>, thẳng tay giết hại và đốt phá các làng mạc người Chăm ở khu vực đồng bằng mà có thành viên theo Katip Sumat<sup>23</sup>. Chiến thuật “đất đai đổ lửa” (terre brûlée) của triều đình Huế

lập một quốc gia Hồi Giáo trong lãnh thổ của vương quốc này, nhưng đều thất bại (Po Dharma, 1981, trang 170).

<sup>17</sup> Theo CM 32 (6), trang 133.

<sup>18</sup> CM 32 (6), trang 106-105; CM 24 (5), trang 165.

<sup>19</sup> Tuan (Mã Lai: *Tuan* có nghĩa là ông, ngài) không phải một từ thường sử dụng ở Champa. Chính vì thế, chúng tôi nghĩ rằng nhân vật mang tên Tuan Lik ở đây không phải là người gốc Panduranga. Có chăng ông này một trong những đồng chí gốc Mã Lai hay Chăm ở Cao Miên đã theo Katip Sumat sang Panduranga.

<sup>20</sup> Theo E. Aymonier, 1885, trang 194, Katip Ja Thak Wa là người Chăm Bani, làng Văn Lâm, Phan Rang.

<sup>21</sup> *Po Rasak* (Mã Lai: *rasul*) cũng còn viết là *Po athur*, *Po asur*, *Po rasur*, *Po rasulak* trong các văn bản khác, là tên của Thiên Sứ Hồi Giáo, tức là Nabi Mahomet.

<sup>22</sup> CM 24 (5), trang 169-168; CM 32 (6), trang 105-104.

Đáng lý ra cuộc khởi nghĩa này không thể xảy ra được, vì DNYLCB (XVI, trang 70) cho rằng triều đình Huế rất quan tâm đến dân bản xứ ở Panduranga-Champa: «Từ vài năm nay triều đình Huế không bắt dân tộc này làm khổ dịch và chẳng làm quân dịch nữa. Tại sao họ lại đứng ra để trả thù hay căm ghét triều đình? Có chăng họ nổi dậy để chứng minh lòng trung thành với quốc vương của họ là Nguyễn Văn Thừa (tức là Po Phaok The) bị bắt năm trước (1832) để rồi họ quên hết những ân sủng mà triều đình Việt Nam dành cho họ? Xứ [Panduranga] này rất giàu có về diện tích đất đai tròng trọt, nhưng lại có nhiều cư dân đốt nát và ngu xuẩn».

<sup>23</sup> Văn bản viết tay CM 26 (14), trang 81, thêm rằng khi Katip Sumat phát động chiến tranh giải phóng Panduranga, hoàng đế Minh Mệnh nắm lấy quyền sống chết trên

đã bắt nguồn từ đó. Lợi dụng sự tuyển mộ mình vào lực lượng chống sự vùng dậy Katip Sumat, các cư dân Việt ở Bình Thuận tha hồ thanh toán hận thù riêng tư của mình với người Chăm, đánh đuổi người Chăm này vào rừng núi ở phía Tây để chiếm lấy đất đai và của cải của họ dễ dàng hơn. Để trả lời cho chiến thuật “đất đai đò lửa” của Minh Mệnh, đoàn quân của Katip Sumat gồm có người Chăm, Raglai và Churu chỉ biết tin vào đấng Allah sẽ phù hộ cho họ<sup>24</sup> như Katip Sumat thường tuyên bố, hăng hái vùng dậy chống lại lực lượng của Minh Mệnh. Tiếc rằng quân cách mạng của Katip Sumat, vì thiếu sự chuẩn bị chiến tranh, thiếu chiến thuật quân sự và nhất là quá tin tưởng vào sự phù hộ của đấng Allah mà Katip Sumat đã hứa hẹn như thế, không thể nào kháng cự với quân lính Minh Mệnh quá đông và trang bị vũ khí khá tối tân. Chỉ trong vài tuần, đoàn quân của Katip Sumat bị tan rã nhanh chóng.

Sau chuyến thất bại này, Katip Sumat lui quân về miền rừng núi ở Đồng Nai Thượng, chỉ để lại khu vực đồng bằng một ít quân gốc Chăm không vũ trang để đối đầu với quân lính của triều đình Huế. Thừa cơ hội này, quân đội của Minh Mệnh ra tay đàn áp vô cùng dã man người Chăm Ahiér và Bani ở khu vực Phan Rang và Phan Rí, dù rằng họ không phải là thành viên của mặt trận Katip Sumat.

\* \*

Cuộc khởi nghĩa của Katip Sumat bắt nguồn từ sự thất vọng của một dân tộc mất nước không tìm ra được một giải pháp nào để thoát thân khỏi sự trừng phạt khủng khiếp mà hoàng đế Minh Mạng dành cho họ sau ngày Champa bị diệt vong vào năm 1832. Và cuộc khởi nghĩa này cũng bắt nguồn từ lòng tin vào Katip Sumat, một vị lãnh tụ đã dùng lý thuyết Hồi Giáo để xây dựng một cơ chế tổ chức, một qui ước kỷ luật và một ý thức hệ đoàn kết để đập tan chính sách của triều

---

nhân dân của cựu vương quốc này. Hết tiếp ứng cho phong trào Katip Sumat, vương quốc này còn bị Minh Mệnh phá hủy. Kết quả là quần chúng phải lâm vào nạn đói khát.

<sup>24</sup> Kinh Coran (III, 133) cho rằng: «Đừng mất can đảm, đừng chán nản bao giờ. Các con sẽ chiến thắng nếu các con sùng đạo».

đình Huế đối với người Chăm.

#### Minh Mệnh trước sự bành trướng Hồi Giáo

Đây là một cuộc vùng dậy đẫm máu mà dân tộc Panduranga-Champa đã gánh chịu. Nhưng cuộc vùng dậy này đã đem lại một kết quả dù nhỏ nhoi đó là triều đình Huế quyết định xóa bỏ chương trình đồng hóa dân tộc Champa, để tập trung mọi nỗ lực chống lại một nhóm người theo tôn giáo ngoại lai mà triều đình Huế cho rằng: «Họ chỉ đọc kinh cầu nguyện bằng một thứ tiếng ngoại lai, chỉ biết tin tưởng vào thần thánh và chỉ biết chấp chứa ma quỷ trong nhà của họ»<sup>25</sup>, hay nói một cách khác họ là dân tộc Champa bị Katip Sumat quyến rũ theo Hồi Giáo. Ai cũng biết, Minh Mệnh là một quốc vương rất tôn sùng văn hóa và nền văn minh Việt Nam, tôn sùng tôn giáo truyền thống Việt Nam<sup>26</sup>. Chính vì thế, ông ta rất lo âu trước cuộc khởi nghĩa của Katip Sumat, một vị lãnh đạo từ nước ngoài đến, đã thành công vận động dân bản xứ Champa đặt niềm tin vào tín ngưỡng Hồi Giáo mà Minh Mệnh chỉ coi đó là một tôn giáo ngoại lai không phù hợp với truyền thống Việt Nam thời đó. Theo hoàng đế Minh Mệnh, cuộc vùng dậy của Katip Sumat sẽ gây bao nguy hiểm cho ý thực hệ thống nhất chính trị ở Việt Nam và sẽ làm đảo lộn các cơ sở truyền thống tín ngưỡng của người Việt. Chính vì hình bóng nguy hiểm của Katip Sumat đang đe dọa Việt Nam thời đó mà triều Huế phải vận dụng bao nỗ lực để dập tan sự vùng dậy này càng sớm càng tốt. Hơn thế nữa, trong sáu tỉnh của Gia Định Thành ở phía Nam, cùng trong một lúc với sự vùng dậy của Katip Sumat vào năm 1833, hàng ngàn tín hữu người Việt theo Thiên Chúa Giáo, một tôn giáo ngoại lai cũng như Hồi Giáo, lại vùng dậy đồng loạt cấu kết với cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi. Sự trung thành của tín hữu người Việt này đối với Lê Văn Khôi là một bằng chứng cụ thể đã thúc đẩy hoàng đế Minh Mệnh kết luận rằng cuộc vùng dậy của Lê Văn Khôi có bàn tay của các nhà truyền giáo nước ngoài tìm cách để ra một quốc gia Thiên Chúa ở Gia Định Thành thời đó.

---

<sup>25</sup> CM 24 (5) trang 164.

<sup>26</sup> M. Gaultier, 1935.

**Chính sách vuốt ve**

Nhằm dập tan càng sớm càng tốt phong trào Katip Sumat dựa trên chủ thuyết Hồi Giáo để đấu tranh, Minh Mệnh tìm cách cô lập phong trào này với cựu quốc vương Panduranga-Champa là Po Phaok The (1828-1832), một thủ lĩnh rất thân cận của Lê Văn Khôi và từng quen biết Lê Văn Khôi. Theo Minh Mệnh, Po Phaok The có nhiều ảnh hưởng đối với quân nổi dậy của Katip Sumat. Chính vì thế, ông tìm cách mua chuộc bằng mọi giá Po Phaok The đứng về phe của mình để chống lại phong trào Katip Sumat<sup>27</sup>.

Vào tháng 6 năm quý ty (1833), hoàng đế Minh Mệnh đề nghị phong cho Po Phaok The chức Diên An Bá (tức là bá tước Diên An), sẵn sàng xây dựng tại thủ đô Huế một bàn thờ hay đài kỷ niệm nhằm tôn vinh công lao của các vị vua chúa Champa, đầu tư một ngân sách để trùng tu lại những đền tháp sụp đổ của xứ Champa này. Sau đó, Minh Mệnh cho phép cho cựu quốc vương Po Phaok The có quyền thu thuế má trong khu vực Panduranga-Champa cũ<sup>28</sup>. Chính vì quá tin là cựu quốc vương Po Phaok The có vai trò quan trọng trong phong trào của Katip Sumat, thành vậy Minh Mệnh mới ban cho ông ta nhiều ân sủng như thế. Nếu sự kiện này đã xảy ra, vì Minh Mệnh nghĩ rằng có một sự liên hệ chặt chẽ giữa cuộc nổi dậy của phong trào Katip Sumat và cuộc khởi nghĩa ở Gia Định của Lê Văn Khôi. Theo Minh Mệnh, sự kết nạp Po Phaok The về phe triều đình Huế sẽ tạo ra sự ly gián tức

---

<sup>27</sup> Quan điểm chính trị của cựu quốc vương Po Phaok The vào thời kỳ ấy rất là lu mờ và rối loạn. Theo biên niên sử Việt Nam MMCY (tập I) và DNTLCB (tập XII), vào năm 1833, Po Phaok The chấp nhận chính sách «cải thổ qui hưu» của Minh Mệnh, với mục tiêu là «thay thế tất cả những quan lại gốc Panduranga bằng những quan lại Việt Nam trong mọi cơ sở hành chính trong lãnh thổ chiếm đóng» Mặt khác, ông ta lại tham gia vào phong trào giải phóng Panduranga do Katip Sumat lãnh đạo, sau đó ông lại bỏ phong trào này để liên kết với Lê Văn Khôi. Vấn đề mà chúng tôi muốn nêu ra ở đây có chăng vì ông ta không chấp nhận Katip Sumat biến đổi phong trào giải phóng này thành một tổ chức đấu tranh dựa trên chủ thuyết Hồi Giáo? Những tư liệu lịch sử từng chứng minh rằng Po Phaok The có liên kết với mặt trận Lê Văn Khôi ở Gia Định, nhưng ông ta không làm một việc gì để yểm trợ cho mặt trận này dù ông ta đã tuyên bố bao lời hứa hẹn. Ngược lại, ông ta có khuynh hướng muốn trở về để bắt tay với triều đình Huế.

<sup>28</sup> DNTLCB, XII, trang 282-284; DNNTC, tập XII (Hà Nội 1), trang 36-37).

thời giữa hai nhóm Katip Sumat và Lê Văn Khôi, nếu không, sự liên hệ giữa hai vị lãnh tụ này có thể gây một mối đe dọa lớn lao cho sự thống nhất đất nước Việt Nam.

Mặc dù các tư liệu Việt Nam đã bàn đến chiến lược của triều đình Huế để mua chuộc Po Phaok The, nhưng tư liệu Panduranga-Champa không nói gì đến biến cố này và cũng không nhắc nhở đến vai trò của cựu vương quốc Po Phaok The trong phong trào Katip Sumat nữa. Dù trong hoàn cảnh nào đi nữa, sự vắng mặt của Po Phaok The dường như không có ảnh hưởng gì đến cuộc nổi dậy của Katip Sumat, vì phong trào vẫn tiếp tục phát triển.

#### Nguyên nhân khác của sự thất bại

Để giải quyết nhanh chóng biến cố này, Minh Mệnh giao cho quân đội của mình mọi quyền lực trong tay để dập tắt phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat. Thế là chiến lược đàn áp của Minh Mệnh đã đánh tan nhanh chóng phong trào này vào năm 1834. Sự thất bại của phong trào Katip cũng có một nguyên nhân khác, đó là những người Chăm Ahiér hay Bani cũng như những người Churu, Raglai bị Katip Sumat lôi kéo vào Hồi Giáo chỉ biết tin vào phép màu nhiệm của đấng Allah ban cho, tin vào uy quyền chỉ huy của Katip Sumat hơn là học hỏi các chiến thuật và chiến lược quân sự thật sự để chống lại quân Việt Nam. Trong thời điểm đó, Katip Sumat thường tuyên truyền rằng, chỉ biết niệm tâm với đấng Allah, thành viên của ông ta sẽ trở thành siêu hình và thân hình của họ trở thành thiết giáp, súng bắn không lọt qua và bom đạn cũng không phá tan nổi. Chính vì vậy mà phong trào Katip Sumat đã bị dập tan một cách nhanh chóng bởi đoàn quân Minh Mệnh được trang bị vũ khí tối tân<sup>29</sup>.

#### Mặt trận Ja Thak Wa (1834 - 1835)

Sự thất bại vào năm 1834 của Katip Sumat đã đưa một số nhà

---

<sup>29</sup> Bản viết tay CM 26 (4) trang 79 cho rằng phong trào của Katip Sumat bị dập tắt và tháng 7 Champa lịch của năm con rắn, tương đương với cuối năm 1833 hay đầu năm 1834.

lãnh đạo phong trào này đứng ra phản đối kịch liệt chiến lược của tổ chức<sup>30</sup>. Họ chỉ trích Katip Sumat đã dùng chủ thuyết Hồi Giáo để làm động cơ thúc đẩy cho sự vùng dậy, đã đưa hàng ngàn binh sĩ, không am tường về chiến thuật quân sự và chỉ biết đọc câu thần chú và cầu nguyện nơi thượng đế, dẫn thân vào cuộc «thánh chiến Hồi Giáo» (Jihād) nhằm chống lại quân đội Việt Nam có trang bị thiết yếu tối tân.

#### Sự ra đời của mặt trận giải phóng

Dại diện cho nhóm phản kháng này là Katip Ja Thak Wa, Chăm làng Văn Lâm (Phan Rang), cũng là một nhân vật đã từng giữ một chức vụ quan trọng trong triều đình Panduranga-Champa thời trước<sup>31</sup>. Katip Ja Thak Wa không phải là người Hồi Giáo chính thống như Katip Sumat, nhưng là Chăm Bani<sup>32</sup>. Vì không chấp nhận đưa ý thức hệ Hồi Giáo vào phong trào đấu tranh, Ja Thak Wa đứng ra thành lập vào năm Ngọ (1834) một phong trào mới mà cơ cấu tổ chức có nhiều điểm tương đồng với tổ chức của một Mặt Trận Giải phóng hôm nay.

Sau ngày ra đời của phong trào giải phóng này, một số thành viên Chăm thân cận với Katip Sumat liền phúc trình với triều đình Huế là nhóm Ja Thak Wa toan làm cuộc chiến chống Minh Mệnh và đề nghị chính quyền Việt Nam truy nã ngay Ja Thak Wa. Minh Mệnh

---

<sup>30</sup> CM 24 (5), tr. 168-169 và CM 32 (6), tr.105-103.

<sup>31</sup> E. Aymonier, 1885, tr. 194; 1890, tr. 181.

Dựa trên bài báo cáo của án sát (thẩm phán toà án) Phan Duy Trinh liên quan đến sự thẩm vấn của một quân lính phiến loạn bị bắt vào tháng 4 của năm Ất Vị (1835), tức là trong thời kỳ khởi nghĩa Ja Thak Wa, DNTLCB (XVI, tr. 197) cho rằng giáo cả người Chăm tên là Số Cố là nhân vật lãnh đạo phong trào vùng dậy vào năm Giáp Ngọ (1834), tự tuyên xưng mình là Điền Sư (nhà sư của hòn núi Điền). Ông ta là người trú quán ở Tánh Linh, vùng Tuy Định. Một khi so sánh tên gọi trong DNTLCB và ký sự Chăm viết về thời kỳ ấy, chúng ta thấy rằng giáo cả Số Cố và Ja Thak Wa chỉ là một.

Tất cả sử liệu bằng tiếng Chăm cho rằng Ja Thak Wa là người sinh quán ở làng Văn Lâm, Phan Rang. Có lẽ sau đó, ông ta sang trú quán ở Tánh Linh mà DNTLCB đã đưa ra.

<sup>32</sup> Chăm Bani, hay Chăm Awal là tên gọi của những người Chăm theo đạo hồi giáo không chính thống ở vùng Phan Rang-Phan Rí. Họ chỉ tuân theo một số tôn chỉ trong 5 cột trụ của Islam mà thôi.

không trả lời đơn thỉnh nguyện này, vì ông ta muốn sự đấm đá trong nội bộ người Chăm càng ngày càng trầm trọng hơn. Đó là chính sách chia để trị<sup>33</sup>.

Sau vụ tố cáo này, không có tư liệu nào nhắc đến Katip Sumat nữa. Ngược lại, một số sử liệu tiếng Chăm<sup>34</sup> cho rằng nếu Ja Thak Wa đưa ra yêu sách cấm vận dụng danh nghĩa Hồi Giáo vào tổ chức đấu tranh, vì chủ thuyết này quá đặt nặng niềm tin vào thượng đế, dễ rồi quên đi những yếu tố căn bản của chiến thuật quân sự trong một chiến tranh mà đối phương có một lực lượng binh sĩ gấp bội và có nhiều vũ khí tối tân<sup>35</sup>. Có chăng sự ngăn cấm này còn có một nguyên nhân khác, đó là Katip Ja Thak Wa nghĩ rằng sự phát triển quá rộng rãi của Hồi Giáo trong quần chúng sẽ tạo cho Katip Sumat có một ảnh hưởng thế lực lớn thêm và ảnh hưởng này có thể gây nhiều phiền phức trong dự án thành lập một phong trào giải phóng mới mà Katip Ja Thak Wa là người lãnh đạo<sup>36</sup>.

Sự ra đời phong trào của Ja Thak Wa trên sân khấu chính trị Việt Nam có một thời điểm rất thuận lợi, đó là thời điểm mà nhân dân Champa vong quốc đang gặp phải bao thống khổ hàng ngày vì sự áp bức của triều đình Huế, thuế má quá nặng nề, những vụ đàn áp, bắt bớ giam cầm oan ức mà Minh Mệnh dành cho họ. Lợi dụng thời cơ này, Katip Ja Thak Wa vận động quần chúng yểm trợ cho dự án chính trị của mình. Ông ta đứng ra kêu gọi toàn dân Champa phải đoàn kết dưới một lá cờ chung, không phân biệt tôn giáo, chủng tộc, địa phương, nhằm vùng dậy giải phóng đất nước Panduranga-Champa ra khỏi ách nô lệ của triều đình Huế, khôi phục lại những gì mà hoàng đế Minh Mệnh đã phá hủy, từ cơ cấu kinh tế, xã hội, lịch sử, văn hóa, v.v. Nhằm tiến đến mục tiêu, Ja Thak Wa đề ra một chiến lược đầu tiên đó là xây dựng lại vào năm ngo (*nathak athaih*) 1834 một cơ cấu tổ chức giải phóng vững chắc trong những mật khu ở vùng cao nguyên Panduranga (Đông Nai Thượng) và Kauthara (Nha Trang-Phú Yên), nơi mà người Việt chưa dám mạo hiểm tới<sup>37</sup>.

---

<sup>33</sup> Po Dharma, 1987, I, tr. 153.

<sup>34</sup> CM 24 (5), tr. 167-168; CM 32 (6), tr. 105-104.

<sup>35</sup> CM (24), tr. 5.

<sup>36</sup> Po Dharma, 1987, I, tr. 154.

<sup>37</sup> CM 24 (5), tr. 168-169; CM 32 (6), tr. 103-103.

## Phục hưng triều đại vua Po Romé

Một khi đã xây dựng mật khu chiến đấu, Ja Thak Wa triệu tập một hội đồng quốc gia để chỉ định Po War Palei<sup>38</sup>, dân tộc Raglai, thuộc làng Cadang, lên làm quốc vương (Po Patrai) của Panduranga thời đó. Po War Palei là anh rể của Po Dhar Kaok (tên Việt là Nguyễn Văn Nguyên), cựu phó vương Panduranga dưới thời Po Phaok The (1828-1832)<sup>39</sup>. Sau đó Ja Thak Wa đề nghị tấn phong một người gốc Churu mang chức là Cei Aia Harei (hoàng tử mặt trời) làm hoàng tử kế vị và Ja Yok Ai, gốc người Chăm làm Panraong Sa-ai (đại quan quân sự)<sup>40</sup>.

---

<sup>38</sup> Po Tang Haok, một nhân vật gốc Mã Lai được thờ phụng trong những lễ tục Chăm cũng mang tên là Po War Palei (Inrasara, 1996, tr. 276). Nhưng Po Tang Haok và Po War Palei gốc Raglai là hai nhân vật khác nhau.

<sup>39</sup> CM 24 (5), tr. 168-69 và CM 32 (6), tr. 103-103.

Dựa trên bản báo cáo của án sát (thẩm phán) Biên Hòa vào tháng 4 năm Ất Vị (1835), DNTLCB (XVI) cho biết ông Diên Sư (giáo cả của núi Diên, tức là Ja Thak Wa) có tấn phong cho một người lên làm quốc vương lâm thời của Panduranga. Người này có tên là La Bôn, tức là chồng của bà chị Nguyễn Văn Nguyên mà ký lục Chăm CM 29 (1) câu 1 gọi là Dhar Kaok mang chức Kai Nduai Ngen (Cai Đới Nguyên) tức là phó vương của Panduranga. Tiếc rằng DNTLCB (XVI) không ghi rõ sắc tộc của La Bôn. Ngược lại, CM 24 (5) tr. 168-169 và CM 32 (6), tr. 104-103 nói rằng vị quốc vương được chỉ định bởi Ja Thak Wa là người gốc Raglai. Sự hiện diện của một nhân vật Raglai trong ban chấp hành tối cao của phong trào Ja Thak Wa không làm cho chúng tôi ngỡ vực cho lắm. Vì rằng, nhiều sử liệu tiếng Chăm thường nói đến vai trò của các vị quan lại thuộc sắc dân Churu, Raglai, Kaho trong triều đình Panduranga thời trước và thường chứng minh rằng Champa không phải là quốc gia chỉ dành riêng cho người Chăm, nhưng là một vương quốc đa sắc tộc và mỗi sắc tộc trong vương quốc này dù họ là Chăm, Churu, Raglai, Kaho, Stieng, Mạ, v.v. đều có nghĩa vụ và quyền hạn như nhau. Po Romé, gốc Churu đã làm quốc vương Panduranga-Champa từ 1627 đến 1651 là một bằng chứng cụ thể (xem Po Dharma, 1987, I).

<sup>40</sup> CM 32 (6), tr. 104-103 và CM 24 (5), tr. 168-169 viết rằng sự đề cử Ja Yok Ai (dân tộc Chăm) trong chính phủ lâm thời của Panduranga không được đa số thành viên hưởng ứng cho lắm. Dù rằng Ja Yok Ai là người rất thân cận với quốc vương lâm thời là Po War Palei, nhưng một số quan lại Champa tố cáo ông ta là một trong những người làm tay sai cho triều đình Huế, một thành viên gia nhập phong trào của Ja Thak Wa rất muộn màng. Cùng nhờ quốc vương lâm thời gốc Raglai và

Một số sử liệu tiếng Chăm này còn cho biết rằng, sự tấn phong Po War Palei gốc Raglai không phải vì ông ta là anh rể của Po Dhar Kaok, cựu phó vương Panduranga (1828-1832), nhưng là một nhân vật thuộc dòng tộc Po Romé (dân tộc Churu), vị vua đã sáng lập triều đại thứ 6 của vương quốc Panduranga kéo dài từ năm 1627 đến ngôi vương cuối cùng là Po Ceng Cei Brei (1783-1786), vì không còn quyền lực để đối phó với chiến tranh Nguyễn Ánh-Tây Sơn, quyết định bỏ ngai vàng để tìm đường chạy sang Cao Miên lánh nạn vào năm 1786. Gần 10 năm lưu lạc trong khu vực Đồng Nai cho đến năm 1795, ngài mới đạp chân trên đất Cao Miên này<sup>41</sup>. Kể từ năm 1786 đến ngày vong quốc 1832, ngôi vương của Panduranga hoàn toàn nằm trong tay của một số quan lại gốc người Chăm không liên hệ gì với gia đình hoàng gia Po Romé (dân tộc Churu). Tất cả quan lại gốc người Chăm lên nắm chính quyền ở Panduranga-Campa sau ngày Po Ceng Cei Brei sang Cao Miên lánh nạn vào năm 1786, hoàn toàn do Tây Sơn hay là Nguyễn Ánh tấn phong cho họ<sup>42</sup>. Chính vì thế, Ja Thak Wa

---

hoàng tử kế vị gốc Churu đem hết uy tín của mình ra thuyết phục, ông ta mới được Ja Thak Wa tin nhiệm.

CM 24 (5), tr. 169 cũng ghi rằng sự chỉ định ba nhân vật Po War Palei (Raglai), hoàng tử kế vị (Churu) và Ja Yok Ai (Chăm) trong ban lãnh đạo tối cao của cách mạng đã gây một vài sự dè dặt trong nhóm uỷ viên của hội đồng. Bởi vì một số người này cho rằng họ không đủ kinh nghiệm để điều khiển cuộc cách mạng. Trong lúc đó, một số người khác chỉ trích họ là những vị lãnh đạo hoàn toàn do Ja Thak Wa áp đặt.

<sup>41</sup> Dựa vào tác phẩm *Dân tộc Chăm Lược Sử* (1965) mà Dorohiem et Dohamide chỉ có công dịch lại một số bài lịch sử Champa bằng tiếng Pháp và còn chăm chế thêm bao quan điểm sai lầm về lịch sử của vương quốc này, các nhà viết lách ở Việt Nam, trong đó có Inrasara (1994, tr. 60) lập đi lập lại bao sự sai lầm trong tác phẩm này để rồi cho rằng Po Saung Nhung Ceng, vị vua cuối cùng trong *Sakarai Dak Rai Patao Cam* (Biên niên sử Chăm) chạy sang Cao Miên lánh nạn vào năm 1822. Đây là lý thuyết sai lầm. Vì Po Dharma (1987, 1, trang 90) dựa trên biên niên sử Việt Nam đã khẳng định là Po Saong Nhung Ceng (tên Việt Nam là Nguyễn Văn Chấn) đã từ trần ở Phan Rí vào năm 1822 vì lý do già yếu.

<sup>42</sup> Po Dharma, 1987, I.

Đây là danh sách quốc vương Panduranga gốc người Chăm sau triều đại thứ 6 của Po Romé: Po Tisuntiraydapuran (1786-1793), Po Ladhuanpaghuh (1793-1799) Po Saong Nyung Ceng (1799-1822), Po Klan Thu (1822-1828), Po Phaok The (1828-1832). Công chúa dòng Bà Thềm ở Phan Rí hôm nay là dòng của vua chúa

đưa Po War Palei gốc Raglai lên làm quốc vương với mục tiêu là muốn phục hưng lại triều đại Po Romé<sup>43</sup>.

Sau ngày thành lập chính phủ lâm thời của Mặt Trận Giải Phóng Panduranga-Champa, Ja Thak Wa tổ chức một buổi lễ linh đình diễn ra trước đền Po Romé ở Phan Rang. Hàng ngàn dân chúng tình nguyện mang nhiều lễ vật để dâng lên tân quốc vương gốc Raglai là Po War Palei. Sau lễ chém trâu kèm theo những lời cầu nguyện pha lẫn với tiếng trống, phèn la, cùng những cuộc nhảy múa cả nam và nữ, Po War Palei tuyên bố chính thức kể từ hôm nay, ông ta là Po Patrai (quốc vương) của Panduranga. Cùng chung sức với hoàng hậu, ông ta sẽ đem mọi khả năng của mình nhằm xây dựng lại di sản văn hóa cổ truyền của Panduranga<sup>44</sup>.

Sự phong chức cho một quốc vương lâm thời và cho những quan lại trong thời điểm đó đã chứng minh rằng Ja Thak Wa muốn phục hưng lại Panduranga thành một “quốc gia độc lập”<sup>45</sup>. Đối với Ja Thak Wa, sự hình thành một tổ chức có một qui chế chính trị hợp pháp sẽ lôi kéo được nhiều người dân để vùng dậy chiến đấu chống kẻ xâm lược<sup>46</sup>. Dù rằng các sử liệu tiếng Chăm đã ghi nhận rằng Po War Palei được dân chúng tôn vinh lên làm quốc vương Panduranga thời đó, những triều đình Huế vẫn xem phong trào này chỉ là nhóm phản nghịch đặt dưới quyền chỉ huy của một số nhà lãnh đạo «ngu xuẩn và

---

gốc người Chăm này. Chính vì thế, bà ta không giữ những bảo vật gì của triều đại Po Romé, gốc Churu.

<sup>43</sup> Một tác giả thân cận với gia đình hoàng gia gốc Chăm này có viết một bài thơ về Ja Thak Wa với mục tiêu nhằm kết tội ông ta là kẻ bất tài, chỉ biết lương gặt người Raglai và Churu ngu xuẩn để làm loạn mà thôi. Xem CAM 30 (10), (17); CAM MICRO 66 (2); CM 32 (6).

<sup>44</sup> DNTLCB (XVI, tr. 129) ghi rằng vợ của La Bôn (Po War Palei) bị chính quyền Việt Nam bắt giam giữ trong một thời gian, vì chồng của bà ta tự xưng là quốc vương lâm thời của Panduranga. Sau đó, Minh Mệnh ra lệnh trao trả tự do cho bà ta với điều kiện là phải bênh vực chính sách của triều đình Huế.

<sup>45</sup> CM 24 (5), tr. 169; CM 30 (17), tr. 49-53.

<sup>46</sup> CHCPI-CAM 1, tr. 1; CM 24 (5), tr. 168-169; CM 26 (14), tr. 84; CM 32 (6), tr. 104-103; CAM 30 (17), tr. 50 cho biết là hàng loạt quần chúng Panduranga tán thành sự nổi dậy của Ja Thak Wa và chính phủ lâm thời mà ông ta chỉ định. Vì đây là biểu tượng của sự phục hưng vương quốc Panduranga và niềm hy vọng được sống tự do trong một xứ sở có ranh giới như trước đây.

man rợ sống trong rừng núi (...) với mục đích là cướp bóc tài sản và tấn công người Việt» sống ở vương quốc này<sup>47</sup>.

#### Chiến lược quân sự của Ja Thak Wa

Để chuẩn bị cho cuộc vùng dậy, Ja Thak Wa đứng ra lãnh đạo toàn bộ guồng máy tổ chức<sup>48</sup>, biến khu vực rừng núi ở phía tây của các tỉnh Phú Yên, Khánh Hoà, Bình Thuận và Biên Hòa thành một hậu cứ chiến lược. Mặt khác, vị chỉ huy này biết dựa vào hậu thuẫn của dân tộc cao nguyên ở vùng Đồng Nai Thượng, một lực lượng hùng mạnh, dám nói và dám làm, lúc nào cũng phản nghịch chống sự xâm nhập của người Việt vào khu vực của họ kể từ năm 1832. Cũng nhờ sự hiện diện của Po War Palei (gốc Raglai) và vị hoàng tử kế thừa (gốc Churu) trong tổ chức, Ja Thak Wa vận động rất dễ dàng các dân tộc miền núi tham gia vào mặt trận giải phóng của mình. Đối với người Chăm đồng bằng đang sống từ năm 1832 dưới sự kiểm chế của triều đình Huế, Ja Thak Wa cũng phát động một chính sách tuyên truyền mới<sup>49</sup>, đó là liệt kê hàng loạt hành động cưỡng đoạt và xâm lược của người Việt Nam<sup>50</sup> nhằm kích thích người Chăm vùng dậy để khôi phục độc lập, cõi bỏ ách nô lệ<sup>51</sup>.

---

<sup>47</sup> DNTLCB, XVI, tr. 84.

<sup>48</sup> DNTLCB, XVI, tr. 118-119.

<sup>49</sup> Xem CM 24 (5); CM 26 (14); CM 30 (17); CM 32 (6).

<sup>50</sup> Lời tuyên bố của một thành viên Ja Thak Wa ghi trong DNTLCB (XVI, tr. 190) là một bằng chứng cụ thể: «Từ ngày vương quốc Champa bị sụp đổ, dân tộc Champa phải chấp nhận trở thành công dân của triều đình Huế để rồi những quan Việt Nam dùng quyền lực để áp bức họ, bắt buộc họ phải ăn mặc theo người Việt chưa tính đến những sùng tề giặc và ngà voi mà quan lại này buộc họ phải cung cấp».

<sup>51</sup> DNTLCB (XVI, tr. 198) thuật lại lời tuyên bố của một cán bộ tham gia trong phong trào của Ja Thak Wa bị quân Việt Nam bắt: «nếu người Chăm tham gia đồng loạt vào cuộc nổi dậy là vì sau ngày mất nước, những quan lại người Việt chỉ biết bóc lột họ, những người thân cận của quan lại này không ngừng lạm dụng quyền hành để tước đoạt tài sản của người Chăm».

Mặt khác, DNTLCB (XVI, tr. 71) cũng công nhận rằng nếu người Chăm yểm trợ cho sự vùng dậy của Ja Thak Wa, là vì người Việt thuộc phủ Bình Thuận chỉ tìm cách xua đuổi họ ra khỏi làng mạc để xâm chiếm đất đai của họ. Những cử chỉ điên rồ của người Việt này chỉ làm động cơ thúc đẩy nhóm nổi loạn của Ja Thak

Lợi dụng những cuộc nổi dậy ở miền Bắc của Nùng Văn Vân (1833-1835) và ở miền Nam của Lê Văn Khôi (1832-1835)<sup>52</sup> cùng như sự nhúng tay của quân Thái Lan<sup>53</sup> để tiếp viện giúp Lê Văn Khôi ở Gia Định<sup>54</sup>, Ja Thak Wa xua quân lần thứ nhất vào tháng thứ 7 năm Ngọ Champa lịch (1834) nhằm tấn công khu vực đồng bằng Panduranga từ Phú Yên đến Phan Rí với mục đích là phá hủy những đồn lũy quân sự Việt Nam và xúi giục người Chăm hiện đang sống trong những vùng bị kiểm soát của triều đình Huế, vùng dậy giải phóng quê hương.

#### Chính sách đất đai đỏ lửa của Minh Mệnh

Trước sự vùng dậy này, Minh Mệnh không ngần ngại áp dụng chính sách “đất đai đỏ lửa” để khai trừ quân phiến loạn. Theo tác phẩm *Ariya Gleng Anak*<sup>55</sup> cuộc tấn công của Minh Mệnh chống lại Ja

Wa tập trung những người Chăm tuyệt vọng để phản nghịch chống lại triều đình Huế.

<sup>52</sup> Mặc dù Lê Văn Khôi đã chết vào tháng 12 năm Quý Ty (đầu 1834), biên niên sử Việt Nam cho rằng tàn quân của Lê Văn Khôi vẫn tiếp diễn hoạt động cho đến khi Thành Phiên An ở Sài Gòn bị phá hủy vào tháng 8 năm 1835. Xem (DNTLCB, XVI, tr. 35 SG; QTCB, tr. 170 SG; Trần Trọng Kim, II, 1971 tr. 205; Nguyễn Phan Quang, 1981 tr. 21.

H. Parmentir (190, tr. 10), Nghiêm Thẩm (1960, tr. 1960), Darahiem và Dohamide (1961, tr. 109) cho rằng có sự hợp tác giữa Lê Văn Khôi và Ja Thak Wa. Có chăng những tác giả này chỉ dựa theo lời thỉnh cầu của Lê Văn Khôi với cựu quốc vương Panduranga là Po Phaok The mà biên niên sử Việt Nam đã đưa ra. Tiếc rằng, không có một bản ký lục Chăm nào nói về sự quan hệ này. Mặt khác, Po Phaok The không phải là thành viên phong trào của Ja Thak Wa nhưng còn tìm cách chống đối lại phong trào này.

<sup>53</sup> Theo DNTLCB (XVI tr. 121), triều đình Huế rất ái ngại về những cuộc di chuyển của đoàn quân Thái Lan về phía biên giới Cao Miên.

<sup>54</sup> QTCB (tr. 169) viết rằng vào tháng 12 năm 1833, quân đội Thái Lan vượt biên giới Cao Miên tiến về thủ đô Nam Vang và Hà Tiên. Tháng 6 năm 1834, Minh Mệnh ra lệnh cho Trương Minh Giảng đem quân đóng tại thủ đô Nam Vang để chặn đứng quân Thái Lan.

<sup>55</sup> *Ariya Gleng Anak*, CHCPI-CAM 1. Dựa trên câu 82 của *Ariya Gleng Anak*, tác phẩm này viết vào ngày thứ sáu, ngày mồng (*bangun*) 10 của tháng 2 năm Vị (*pabaij*) của lịch Champa, tức là năm Ất Vị (1835) vào một thời điểm mà chiến

Thak Wa vào tháng 7 năm Ngọ (1834) của lịch Champa là một chiến trường đẫm máu nơi mà súng đạn và trọng pháo «vang dội như sấm sét rung chuyển trời đất»<sup>56</sup>. Hàng loạt thôn xóm người Chăm thời đó «bị đốt cháy bởi lửa thiêng»<sup>57</sup> để làm thế nào quân nổi loạn phải khiếp vía và thần phục. Thêm vào đó, Minh Mệnh còn đe dọa trừng trị họ vô cùng tàn bạo nếu họ còn hòa theo phe Ja Thak Wa, có nghĩa là «tử hình tại chỗ những kẻ phản nghịch và đồng bọn, chặt thay họ ra từng khúc, lấy toàn bộ ruột gan họ ra để treo lên các cành cây, nhằm để gây sự hoảng sợ»<sup>58</sup>.

Cùng nhờ áp dụng chính sách “đất đai đỏ lửa” này, quân Minh Mệnh thành công đẩy lui sự vùng dậy lần thứ nhất của Ja Thak Wa. Ngược lại, Ja Thak Wa có quan điểm hoàn toàn khác biệt. Theo ông ta, cuộc thất bại này không phải là vì quân Việt Nam hùng mạnh, nhưng vì dân chúng người Chăm ở đồng bằng không cương quyết đồng loạt nổi dậy như ông ta hy vọng. Có chăng vì họ quá khiếp sợ trước lực lượng người Việt Nam hay là vì ông ta không dùng sức mạnh để trừng phạt gay gắt những người Chăm không tuân theo lệnh nổi dậy của ông ta<sup>59</sup>.

#### Kỷ luật sắc bén của Ja Thak Wa

Để chuẩn bị cho cuộc tấn công lần thứ hai vào tháng 10 năm Ngọ của Champa lịch (1835)<sup>60</sup>, Ja Thak Wa ra lệnh cho chiến sĩ người Churu và Raglai phải thanh trừng đích đáng những người Chăm nào không theo cách mạng vì sợ sự trả thù của Minh Mệnh<sup>61</sup>. Một khi nhận lệnh của Ja Thak Wa, chiến sĩ Churu và Raglai xuất quân vào cuộc chiến, tấn công mạnh liệt những đồn lính Việt Nam, đốt phá

---

tranh giữa Ja Thak Wa và Minh Mệnh chưa chấm dứt. Xin thêm chi tiết ở phần phụ bản của vài khảo luận này.

<sup>56</sup> *Ariya Gleng Anak*, CHCPI-CAM 1, câu 7.

<sup>57</sup> *Ariya Gleng Anak*, CHCPI-CAM 1, câu 4: *tel thun nathak athaih nan ra brei, apuei kadhiri mbeng palei, nager chai drut merai*.

<sup>58</sup> DNTLCB, XVI, tr. 102.

<sup>59</sup> *Ariya Gleng Anak*, CHCPI-CAM 1, tr. 3.

<sup>60</sup> CAM 30 (17), tr. 50-51. Biên niên sử Việt Nam chỉ nói một cách tổng quát về sự nổi dậy của Diên Sư (Ja Thak Wa).

<sup>61</sup> CHCPI-CAM 1 tr. 3.

những thôn làng người Chăm không theo cách mạng và thanh trừng những người Chăm không tuân lệnh Ja Thak Wa<sup>62</sup>.

Cùng nhờ áp dụng kỹ luật sắc bén đó, cuộc tấn công quân sự lần thứ hai nhằm giải phóng Panduranga đã mang lại một thắng lợi lớn lao. Biên niên sử Việt Nam<sup>63</sup> cho rằng quân cách mạng của Ja Thak Wa làm chủ tình hình vào đầu năm Ất Vị (1835) toàn bộ lãnh thổ Panduranga cũ (huyện An Phước, Hoà Đa, Tuy Tịnh và phủ Bình Thuận). Sau cuộc tổng tấn công lần thứ hai này, hàng ngũ quân đội của Minh Mệnh trấn giữ khu vực Panduranga không còn đủ can đảm và sức lực để kháng cự với Ja Thak Wa nữa. Thế là Minh Mệnh phải tập trung hơn 3.000 lính từ khu vực Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Định<sup>64</sup> và hàng ngàn cư dân người Việt sống ở Bình Thuận vào lực lượng chính qui để chuẩn bị xuất quân chống Ja Thak Wa<sup>65</sup>.

Đối với Minh Mệnh, Panduranga là một khu vực chiến lược quân sự quan trọng. Nếu Panduranga lọt vào tay quân cách mạng của Ja Thak Wa, triều đình Huế không còn đường dây để liên lạc với Gia Định Thành ở miền nam, nơi mà cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi vẫn chưa chấm dứt và không có cách nào liên lạc với quân viễn chinh Việt Nam có mặt ở Cao Miên, một vương quốc đang bị Thái Lan đe dọa. Nhằm làm chủ tình hình quân sự ở Panduranga, Minh Mệnh phải đích thân đứng ra giải quyết chiến tranh này để tái lập lại quyền uy của triều đình Huế ở miền nam. Chiến lược đầu tiên của Minh Mệnh đó là ra lệnh trừng trị thích đáng những quan lại Việt Nam bất tài không tìm giải pháp để dập tan sự vùng dậy của Ja Thak Wa ở Panduranga. Tháng 2 năm Ất Vị (1835/1836) Minh Mệnh cách chức án sát Phan

---

<sup>62</sup> CM 29 (1), câu 20.

MMCY (V, tr. 180) xác nhận là những quân nổi dậy của Ja Thak Wa trừng trị thẳng tay dân chúng Panduranga không theo cách mạng và tàn sát người Việt ở phủ Bình Thuận.

Đọc qua nội dung của hai đoạn văn trên đây, chúng ta thấy là những điều lệnh của Ja Thak Wa được áp dụng rất là nghiêm túc. Ký lục Chăm kể rằng nếu muốn quân chúng Chăm từ bỏ mọi sự khiếp sợ trước uy quyền của Minh Mệnh, Ja Thak Wa lại áp dụng những hình phạt còn khủng khiếp hơn đối với người Chăm không theo phong trào giải phóng của ông ta.

<sup>63</sup> QTCB, tr. 195, 197-198; MMCY, V, tr. 180-181; DNTLCB, XVI, tr. 77.

<sup>64</sup> DNTLCB, XVI, tr. 69, 131.

<sup>65</sup> CM 29 (1), câu 43.

Phu là một vị quan bất tài, chỉ biết đưa ra bao chính sách sai lầm trong kế hoạch bình định tình hình an ninh ở Panduranga. Minh Mệnh tuyên bố rằng nếu cuộc vùng dậy của Ja Thak Wa đã gặt hái được kết quả là vì chính quyền Việt Nam ở Bình Thuận chẳng những không biết chiến đấu mà lại khiếp sợ trước sự vùng dậy này<sup>66</sup>. Minh Mệnh cũng cách chức hay giáng chức những quan lại Việt Nam khác như Dương Văn Phong, tuần phủ Bình Thuận và Khánh Hòa, Lê Nguyên Trung, đặc phái viên mà triều đình Huế đã gửi đến Panduranga vào 1832, chưa tính quan lại huyện Ninh Thuận, Tuy Tịnh, Tuy Phong, v.v.<sup>67</sup>.

#### Chính sách diệt chủng hay trả thù

Một khi đã trừng trị thích đáng những quan lại Việt Nam bất tài, Minh Mệnh chỉ biết suy tính làm thế nào phải lật lại cho bằng được thế cờ quân sự ở Panduranga đã lọt vào tay của quân phản nghịch Ja Thak Wa<sup>68</sup>. Để tiến đến mục tiêu này, Minh Mệnh ra lệnh cho mỗi quân lính của mình, nếu ai giết được một quân phiến loạn hay một thành viên của nhóm Ja Thak Wa, họ được thưởng ba quan tiền mang dấu khắc «Phi Long». Nếu ai giết được một sĩ quan chỉ huy của Ja Thak Wa, họ sẽ được một phần thưởng quan trọng hơn nữa. Ngược lại, sử liệu tiếng Chăm còn nói rõ hơn là Minh Mệnh ra lệnh rằng mỗi người lính Việt Nam phải chém được ba đầu người Chăm theo Ja Thak Wa trong một ngày thì họ mới được hưởng lương bổng<sup>69</sup>.

---

<sup>66</sup> DNTLCB, XVI, tr. 78-79.

<sup>67</sup> DNTLCB, XVI, tr. 68-289.

<sup>68</sup> QTCB, tr. 195 và MMCY, II, tr. 147 cho biết là Minh Mệnh ra lệnh giết tất cả những ai không tuân hành chỉ thị của triều đình Huế.

<sup>69</sup> CM 29 (1), câu 43.

Dù sự kiện chém ba đầu người Chăm trong một ngày có thể là quá đáng, nhưng chúng ta cũng không nên loại bỏ ngay sự xác định trên, vì cư dân Việt ở Bình Thuận đã có hận thù với người Chăm từ lâu đời. Theo CM 29 (1), câu 197, trước ngày sụp đổ của Panduranga vào năm 1832, người Việt này chỉ là những «kẻ giữ chợ» làm thuê mướn cho người Chăm. Sau năm 1832, họ lại trở thành chủ nhân thật sự của xứ sở Panduranga này. Được sự che chở của triều đình Huế, người Việt

Ba quan tiền «Phi Long» tương đương với một tháng lương của người lính Minh Mệnh thời đó. Lợi dụng chính sách của Minh Mệnh để có thêm phần thưởng, cư dân Việt tranh đua tâu sát hàng ngàn người Chăm vô tội để đưa vào danh sách là thành viên của Ja Thak Wa hầu được hưởng tiền thưởng này. Đây là một vụ án diệt chủng kinh hoàng chưa từng xảy ra trong lịch sử Đông Nam Á.

Ngoài chính sách tàn sát dân tộc Chăm ở vùng đồng bằng để được hưởng lương bổng<sup>70</sup>, Minh Mệnh còn nghĩ đến những chiến lược quân sự khác nhằm chống lại quân phản loạn của Ja Thak Wa. Theo ông ta, nhóm phản động này không có trang bị súng đạn và đại bác để chống lại đoàn voi trận. Chính vì thế, Minh Mệnh ra lệnh phải đưa nhiều voi trận vào chiến trường hầu đập nát đoàn quân phản loạn này. Cuối cùng, ông ta cũng yêu cầu phải lùng soát và hủy diệt toàn diện những kho gạo-muối mà quân Ja Thak Wa đã thiết lập để họ không còn lương thực mà tiếp tục chiến đấu nữa<sup>71</sup>.

Mặt dù Minh Mệnh đã đưa ra nhiều biện pháp, nhưng đó chỉ là những biện pháp vô hiệu quả để đẩy lui đoàn quân của Ja Thak Wa. Để cứu vãn tình hình, Minh Mệnh phải triệu hồi Phan Thanh Giản, quan bảo hộ tại Cao Miên, để đứng ra lãnh đạo chiến dịch chống Ja Thak Wa ở Panduranga<sup>72</sup> và ông ta sẵn sàng gửi đến khu vực này một số đoàn quân tiếp viện mà tuần phủ Bình Định và Khánh Hoà đã thỉnh

---

này tự do hành động theo ý thích của mình, dù đó là hành động chém ba đầu người Chăm trong mỗi ngày. Họ chỉ xem dân tộc Chăm là người Thổ, tức là thổ dân bị qui phục và dân tộc miền núi (Churu, Raglai, Kaho...) ở khu vực Đồng Nai Thượng là những dân Man Di, tức là những kẻ không chịu qui phục.

<sup>70</sup> Nếu chính sách tàn sát này chỉ áp dụng cho người Chăm là vì họ sống ở vùng đồng bằng, khu vực mà quân đội Minh Mệnh đã kiểm soát. Ngược lại, những dân tộc miền núi (Churu, Raglai, Kaho) không bao giờ thấy bóng hình của quân Minh Mệnh là ai.

<sup>71</sup> DNTLCB, XVI, tr. 79.

Dường như triều đình Huế không biết nhiều về những chiến sĩ tham gia trong phong trào của Ja Thak Wa. Thật thế, một phần lớn số binh lính cách mạng này là dân tộc ở Đồng Nai Thượng (Churu, Raglai, Kaho, Stieng, Mạ...), vùng có rất nhiều đàn voi hoang dã sinh sống. Và những người này thường bắt và thuần phục loại thú da dày này và chẳng bao giờ khiếp sợ đàn voi của Minh Mệnh.

<sup>72</sup> DNTLCB, XVI, tr. 94.

cầu<sup>73</sup>.

### Chiến tranh tâm lý

Một khi đã nhận diện sự sa lầy của quân đội Việt Nam ở Panduranga, Minh Mệnh nghĩ rằng chỉ có chiến lược chính trị là giải pháp hay nhất để đưa quần chúng Champa ly khai với nhóm phản động của Ja Thak Wa<sup>74</sup>. Thế là triều đình Huế bắt đầu vượt ve nhân dân Champa và kêu gọi họ là nên từ bỏ mọi sự nghi kỵ đối với chính quyền Việt Nam và nên đặt lại niềm tin với triều đình Huế. Minh Mệnh cũng ra chỉ thị yêu cầu quan lại Việt Nam không được lạm dụng quyền hành của mình để tàn sát những người Champa vô tội nữa<sup>75</sup>. Mặt khác, Minh Mệnh bắt đầu khai triển tối đa chiến tranh chiêu hồi kêu gọi người dân bản xứ Champa nên từ bỏ sự ngờ vực, sự sợ hãi đối với chính quyền Việt Nam. Nếu họ thi hành lệnh này, triều đình Huế sẽ tha thứ cho họ dù họ là thành viên của nhóm phiến loạn Ja Thak Wa<sup>76</sup>. Còn những ai đã bị quan lại Việt Nam áp bức đến mức độ không còn cách nào hơn là chạy theo Ja Thak Wa, cũng sẽ được pháp luật của triều đình Huế che chở. Cuối cùng, Minh Mệnh quyết định trả tự do cho những tù binh bị bắt trong các cuộc nổi dậy để tỏ sự rộng lượng của mình<sup>77</sup>.

---

<sup>73</sup> Theo DNTLCB (XVI, tr. 143), sau khi nhận được đơn xin quân tiếp viện, Minh Mệnh tuyên bố rằng những quan lại này là những kẻ bất tài bất lực. Từ hơn tháng nay, họ không làm được gì để dập tắt bọn phản nghịch Ja Thak Wa, trong khi đó họ báo cáo rằng những người Man phản nghịch là những kẻ luôn luôn sợ hãi và mất tinh thần. Minh Mệnh cũng nói thêm là chính quyền sở tại đã có trong tay hơn 3.000 quân lính thuộc lực lượng chính qui với những khí giới đầy đủ để tổ chức những cuộc hành quân chống bọn phản nghịch, tại sao họ lại đòi hỏi thêm quân tiếp viện. Minh Mệnh tự hỏi quan sở tại Bình Thuận và Khánh Hòa cần bao nhiêu quân nữa để chiến thắng quân phản loạn Ja Thak Wa. Chính vì thế, Minh Mệnh quyết định giáng cấp hai vị tuần phủ Bình Định và Khánh Hoà.

<sup>74</sup> DNTLCB, XVI, tr. 69 và tiếp theo.

<sup>75</sup> DNTLCB, XVI, tr. 82.

Nhưng cùng lúc, Minh Mệnh ra lệnh cho các quan lại Việt Nam tử hình ngay tất cả những ai còn giữ những khí giới để phá rối trật tự hay những ai còn tiếp tục tham gia vào cuộc nổi dậy của Ja Thak Wa.

<sup>76</sup> DNTLCB, XVI, tr. 102.

<sup>77</sup> DNTLCB, XVI, tr. 129; QTCB, tr. 197-198.

Vào tháng tư của năm Ất Vị (1835), Minh Mệnh quyết định phóng thích hơn 200 tù binh Chăm đã thú nhận rằng là họ tham gia vào cuộc khởi nghĩa của Ja Thak Wa vì quan lại Việt Nam dùng quyền lực để áp bức họ. Những người này được trả tự do, sau khi nhận các lương thực và quà tặng của triều đình Huế. Ngược lại, Minh Mệnh ra điều kiện rằng, những tù binh đã được khoan hồng lại dẫn thân theo quân phiến loạn nữa thì họ sẽ bị tử hình trong trường hợp bị bắt. Minh Mệnh cũng ra lệnh khuyến khích dân tộc Champa nên hợp tác chặt chẽ với quân đội Việt Nam để chống lại quân phiến loạn của Ja Thak Wa<sup>78</sup>.

Sự ra đời của chiến tranh tâm lý này có một xuất xứ chính của nó. Sau khi phân tích nguyên nhân của những cuộc nổi dậy đã xảy ra ở miền bắc Việt Nam cùng trong một thời điểm, triều đình Huế đã đi đến kết luận rằng «nếu có sự vùng dậy người Mán và người Thổ ở miền bắc<sup>79</sup> là vì những quan lại Việt Nam là những kẻ bất lực và tham lam, chỉ biết ngược đãi dân bản xứ»<sup>80</sup>. Ngược lại, hai vị trấn thủ Bình Thuận và Khánh Hoà cho rằng những biện pháp dùng chiến tranh tâm lý để chiêu hồi quần chúng Champa đã không mang lại một hiệu quả

---

<sup>78</sup> DNTLCB, XVI, tr. 129.

<sup>79</sup> Trong tiếng Việt, “Mán” (mán mèo, mán mợ) ám chỉ các sắc dân ở trên vùng núi của phía bắc Việt Nam. Ngược lại, từ “Man” (man hoang, man lệnh) thì chỉ những người mọi rợ, bán khai vào thời Việt Nam Cổ (Gouin, 1957, tr. 790). Nhưng từ “Man” này cũng được dùng để ám chỉ những dân tộc không cùng văn hóa Việt Nam, nổi dậy chống lại quyền uy vua chúa. Vì thế mà DNTLCB (XVI, tr. 197-198) gọi Ja Thak Wa (dân tộc Chăm) cũng như Po War Pelei (Raglai) đều là người Man.

<sup>80</sup> DNTLCB, XVI, tr. 121.

DNTLCB, XVI, tr. 71 cho rằng những quan lại Việt Nam tại chức ở vùng núi thường hay có nghĩa vụ cướp bóc người bản xứ hơn là công tác bình định khu vực này. Chính việc cư xử tồi tệ của họ đã thúc đẩy dân bản xứ vùng dậy chống triều đình Huế.

Những thông tin của biên niên sử Việt Nam liên quan đến thái độ thống trị và cách cư xử hách dịch của quan lại Việt Nam đối với dân tộc Champa không đi ngược lại với những gì mà các ký lục Chăm đã đưa ra. Từ thái độ này, chúng ta không thể kết luận rằng quan lại Việt Nam là người kỳ thị chủng tộc, vì họ đối đãi còn tồi tệ hơn đối với người Việt sống ở Gia Định Thành hay các tỉnh ở phía bắc không theo triều đình Huế hay chống lại quyền uy của Minh Mệnh.

thiết thực nào<sup>81</sup>.

#### Phương thức chia để trị

Ngoài chính sách chiêu hồi quần chúng, Minh Mệnh còn tìm cách chinh phục những nhân vật gốc Chăm có uy tín ở Panduranga để theo phe mình. Làm như thế, Minh Mệnh hy vọng rằng các nhân vật này sẽ lôi kéo quần chúng Chăm quay ngược lại chống phong trào cách mạng của Ja Thak Wa và sẽ lật ngược thế cờ chính trị có lợi cho triều đình Huế hơn. Một trong những nhân vật mà Minh Mệnh muốn thu phục đó là bà chị của ông Dhar Kaok (cựu phó vương Panduranga 1828-1832), tức là vợ của Po War Palei, người dân tộc Raglai mà Ja Thak Wa đã tôn làm quốc vương lâm thời Panduranga vào năm 1834. Sau khi bà ta bị bắt với lý do là vợ của một vị chỉ huy phiến loạn, Minh Mệnh ra lệnh trao trả tự do cho bà ta với điều kiện là bà sẽ dùng ảnh hưởng của mình để thuyết phục dân chúng Panduranga không tham gia vào cuộc nổi dậy của Ja Thak Wa nữa<sup>82</sup>.

#### Vụ án tử hình của hai lãnh tụ Champa

Một nhân vật khác mà Minh Mệnh cũng tìm cách thu phục là Po Phaok The, cựu quốc vương Panduranga (1828-1832). Điều cũng cần nhấn mạnh ở đây, Po Phaok The bị Minh Mệnh tống vào trại giam ở Huế vào năm 1832. Sau đó, các sử liệu thông tin rằng ông ta lại có mặt tại Panduranga vào các năm 1833-1834. Có chăng ông ta vượt ngục hay là được Minh Mệnh ân xá. Cũng trong thời gian này, ông ta tình nguyện gia nhập, dù là ngắn hạn, phong trào nổi dậy của Katip Sumat (1833-1834). Sau đó, ông ta bị bắt và bị đưa ra toà án Việt Nam vì tội âm mưu phản loạn (của Lê Văn Khôi hay Katip Sumat?), nhưng cuối cùng ông ta được tha bổng<sup>83</sup>.

Vì muốn chinh phục cho bằng được Po Phaok The<sup>84</sup>, Minh Mệnh đã thăng tặng cho cựu quốc vương này chức Diên Ân Bá (bá

---

<sup>81</sup> DNTLCB, XVI, tr. 129.

<sup>82</sup> Po Dharma, 1987, I, tr. 160.

<sup>83</sup> Po Dharma, 1987, I, tr. 161.

<sup>84</sup> DNTLCB, XII, tr. 282.

tước Diên Ân), nhưng huy hiệu này không bao giờ đến tay ông ta. Vì rằng, vào tháng 6 năm Ất Vị (1835), cựu quốc vương Po Phaok The bị triều đình Huế kết tội tử hình với hình phạt «lăng trì» (chết từ từ) vì đã tham gia phong trào Lê Văn Khôi<sup>85</sup>.

Tội tử hình của Po Phaok The vào năm 1835 đã để lại bao nghi vấn trong lịch sử. Ai cũng biết, Phaok The là cựu quốc vương Panduranga đã bị Minh Mệnh tống vào ngục giam vào năm 1832. Sau đó ông ta lại có mặt ở Panduranga vào năm 1833-1834, nhưng ông ta không dẫn thân vào phong trào Hồi Giáo của Katip Sumat và cũng không tham gia vào phong trào cách mạng của Ja Thak Wa. Chính Po Phaok The mà hoàng đế Minh Mệnh đã thăng chức Diên Ân Bá để rồi cũng chính ông ta mà Minh Mệnh lại kết án tử hình vì tội theo Lê Văn Khôi. Chúng tôi tự đặt nghi vấn ở đây, có chăng vụ án của Po Phaok The vì liên kết với Lê Văn Khôi chỉ là một cốt chuyện hoàn toàn do Minh Mệnh bịa đặt và dàn dựng để loại bỏ một nhân vật không bao giờ chấp nhận qui phục triều đình Huế nữa. Cùng trong một lúc, phó quốc vương Panduranga (1828-1832) là Po Dhar Kaok (Nguyễn Văn Nguyên) cũng bị kết án cùng một nguyên nhân và cùng với một hình phạt. Tại sao Minh Mệnh lại tử hình hai nhân vật này trong vòng hai tháng sau ngày tử trận của Ja Thak Wa và Po War Palei vào năm 1835.

Ai cũng biết, hoàng đế Minh Mệnh là một nhà chính trị khôn khéo. Chiến lược chinh phục Po Phaok The theo phe của mình có một nguyên nhân chính đáng của nó. Minh Mệnh nghĩ rằng, đối với người dân Champa và theo truyền thống của vương quốc này, Po Phaok The dù trong hoàn cảnh nào đi nữa, vẫn là một vị quốc vương của Panduranga. Và dân chúng Panduranga, dù không đồng ý với ông ta trên phương diện nào đi nữa<sup>86</sup> vẫn sẵn sàng che chở cho ông ta. Vì rằng Po Phaok The, một cựu quốc vương, luôn luôn là nhân vật tiêu biểu cho lịch sử và truyền thống của dân tộc Champa<sup>87</sup>. Tiếc rằng chiến lược của Minh Mệnh nhằm chinh phục Po Phaok The không

---

<sup>85</sup> QTCB, tr. 196; DNNTC, XII, tr. 42; Bửu Cầm, 1958, tr. 146-149; Nghiêm Thẩm, 1960, tr. 1570.

<sup>86</sup> Xem Po Dharma, 1978, II.

<sup>87</sup> CM 29 (1).

mang lại kết quả mong muốn. Thành vậy Minh Mệnh phải tử hình những nhân vật không đem lợi lộc gì cho triều đình Huế.

#### Hình phạt dã man dành cho Ja Thak Wa

Biên niên sử Việt Nam và ký lục Chăm cho rằng những trận chiến đẫm máu giữa đoàn quân của Ja Thak Wa và quân Minh Mệnh vẫn còn diễn biến trên chiến trường ở Panduranga cho đến tháng thứ 4 năm Ất Vị (1835), năm đánh dấu cho sự tử trận của của La Bôn Vương (tức là Po War Palei) và Diên Sư (tức là Ja Thak Wa)<sup>88</sup>. Thêm vào đó, ký lục Chăm<sup>89</sup> cũng xác nhận là Ja Thak Wa bị thương ở chiến trường Hamu Linang, gần thôn Văn Lâm, Phan Rang. Sau đó, ông ta bị quân lính Minh Mệnh chặt lấy đầu và chiếm lấy thân xác của ông ta. Sự tử trận của Po War Palei và Ja Thak Wa đã gây một đòn chí tử cho phong trào nổi dậy ở Panduranga. Lối dụng tình thế nguy ngập này, Minh Mệnh ra lệnh phản công kịch liệt.

Theo biên niên sử Việt Nam, cái chết của hai nhà lãnh đạo này vào tháng thứ 4 năm Ất Vị (1835) không đánh dấu cho sự sụp đổ của phong trào Ja Thak Wa, nhưng còn kích động thêm cho những sự vùng dậy khác ở vùng Hòa Thuận và Long Bàn vào tháng 6 cùng năm Ất Vị (1835). Mặc dù không gặt hái được thành công, nhưng sự vùng dậy của tàn quân Ja Thak Wa đã gây bao lo âu cho hoàng đế Minh Mệnh đến nỗi ông ta phải triệu tập thượng thư bộ binh để bàn về chuyện này và chỉ thị cho vị tuần phủ Thuận Khánh (Khánh Hoà) phải tiếp tục hành quân truy nã quân nổi loạn<sup>90</sup>.

Thế là cuộc chiến vẫn còn tiếp diễn sau tháng 6 năm Ất Vị (1835), nhưng đó chỉ là những cuộc đấu tranh nhất thời, vì cái chết của hai vị chỉ huy Po War Palei và Ja Thak Wa đã làm cho binh sĩ càng ngày càng nản lòng đấu tranh. Cũng vào thời kỳ ấy, tức là tháng 7 năm Ất Vị (1835), thành Phiên An ở Gia Định, nơi trú ẩn cuối cùng của Lê Văn Khôi, cũng bị thất thủ. Kể từ tháng 7 năm Ất Vị (1835), Minh Mệnh hoàn toàn làm chủ tình hình ở phía nam của vương quốc ông ta và bắt đầu áp dụng chính sách Việt Nam hóa ở khu vực Panduranga.

---

<sup>88</sup> DNTLCB, XVI, tr. 198.

<sup>89</sup> CAM 30 (17) tr. 51.

<sup>90</sup> MMCY, V, tr. 181; QTCB, tr. 198; BTBNLT, tr. 79; HVGTNB, tr. 336.

**Chính sách quật mồ tổ tiên**

Chính sách đàn áp của hoàng đế Minh Mệnh nhằm tiêu diệt phong trào vùng dậy của Ja Thak Wa là một biến cố kinh hoàng và đẫm máu. Nhằm thi hành đúng theo mệnh lệnh của hoàng đế Minh Mệnh giao phó, quân đội Việt Nam thẳng tay tàn sát, trục xuất, truy nã, tù đày những người phản nghịch và đồng bọn theo Ja Thak Wa và tranh thủ thời gian để biến dân tộc Champa mất nước thành những người dân nô lệ<sup>91</sup>. Họ thiêu đốt các làng mạc người Chăm, vợ quét gia sản của họ, quật mồ tổ tiên (*kut*) của họ, đập phá cả nghĩa trang của các quốc vương Panduranga thời trước như Pô Klaong Haluw (1567-1591/1579-1603), Po Saong Nyung Ceng (1799-1822)<sup>92</sup> và thiêu đốt cả đền tháp Champa, như đền Po Romé<sup>93</sup>.

**Thay đổi địa bàn dân cư người Chăm**

Hết quật mồ mà vua chúa Champa, hoàng đế Minh Mệnh quyết định thay hẳn bộ mặt bản đồ dân cư ở Panduranga<sup>94</sup>. Để ngăn chặn sự vùng dậy có thể xảy ra trong tương lai, Minh Mệnh ra lệnh các thôn làng Chăm phải dời đi nơi khác, xen kẽ với làng mạc người Việt để họ không còn cơ hội tụ họp vùng dậy nữa. Kể từ đó, địa bàn truyền thống của cư dân người Chăm ở Panduranga không còn nữa. Sự mất tích trên

---

<sup>91</sup> Theo A. Shreiner (1901, I, tr. 243), ở Việt Nam có nhiều loại hình thức nô lệ, đó là những tù binh chiến tranh; những người bị kết án; những người mắc nợ; những nô lệ bẩm sinh vì chính cha mẹ là nô lệ; những người bị bắt cóc hay cưỡng bức mà đa số là người bản xứ Champa để phục vụ cho những người chủ đã bắt mình, hoặc để bán lại như của cải riêng.

<sup>92</sup> CAM 30 (17) tr. 15.

Triều đình Huế cũng áp dụng những hình phạt rất là dã man đối với những người Việt đã tham gia vào cuộc nổi dậy ở miền Nam. Chưa nói đến các người bị xử bắn khi Thành Phiên An bị thất thủ, hay bị kết tội tử hình tại Huế, biên niên sử Việt Nam cho rằng có hơn 1137 người Việt bị tử hình tại vùng Gia Định. Sau đó, thay được quặng xuống một cái hố chung đắp thành một gò cao. Xem Trương Vĩnh Ký, 1879, tr. 265.

<sup>93</sup> H. Parmentier, 1905, tr. 10.

<sup>94</sup> DNTLCB, XVI, tr. 289.

bản đồ của tất cả làng Chăm nằm sát bờ biển là một bằng chứng cụ thể. Thể chế định cư trà trộn giữa dân Chăm và Kinh ở vùng Phan Rang và Phan Rí đã giải thích cho sự sụp đổ toàn diện cơ cấu văn hóa và xã hội của người Chăm, vì họ không còn là chủ nhân trên mảnh đất của tổ tiên họ nữa<sup>95</sup>.

Dựa vào thế lực của triều đình Huế, các cư dân Việt Nam tung hoành cư xử như họ là chủ nhân của xứ sở Panduranga này. Lợi dụng sự chuyển cư của người Chăm đi nơi khác để phù hợp với chính sách mà Minh Mệnh đã đưa ra, cư dân Việt Nam xung phong xâm chiếm những đất đai màu mỡ và chỉ để lại cho người Chăm những khu vực khô cằn để rồi nông dân này phải chịu bao đói khổ triền miên<sup>96</sup>.

#### Cô lập dân tộc cao nguyên

Cuối cùng, Minh Mệnh cấm tất cả sự liên hệ giữa dân chúng Chăm ở đồng bằng và anh em Champa sống ở khu vực cao nguyên tức là Churu, Raglai, Kaho, v.v. Chính sách này có thể giúp chính quyền Minh Mệnh kiểm soát hay ngăn chặn những mạng lưới trao đổi giữa Chăm và dân tộc sống ở vùng Đông Nai Thượng, cũng là thân dân Champa thời trước đã từng chung lưng góp sức chiến đấu chống sự xâm lăng của Việt Nam trong suốt tiến trình lịch sử của vương quốc này<sup>97</sup>.

Dù là vô tình hay cố ý, chính sách cắt đứt sự liên hệ giữa người Chăm và dân tộc miền cao đã gây một hậu quả không đo lường được cho sự tồn tại của hệ thống tổ chức xã hội và tín ngưỡng ở Panduranga cũ. Vì rằng, nếu miền đồng bằng luôn luôn là nơi cư ngụ của các quốc vương Panduranga-Champa, thì chính trên vùng cao là nơi cất giữ những báu vật của vua chúa và những văn khố của xứ sở này do các dân tộc Churu và Raglai gìn giữ<sup>98</sup>. Họ đảm nhận một vai trò quan

<sup>95</sup> Về điểm này, xem Po Dharma, 1989, *Frontière*.....

<sup>96</sup> Po Dharma, 1987, I, tr. 163.

<sup>97</sup> Po Dharma, 1987, I, tr. 163-164.

<sup>98</sup> Xem H. Parmentier, 1905 tr. 1-46; Nghiêm Thẩm, 1960, tr. 151-166.

Một số nhà nghiên cứu cho rằng vì sợ người Việt Nam phá hủy, thành vậy vua chúa Champa đem bảo vật giao cho người Raglai và Churu bảo vệ. Đây là lý luận phi khoa học. Nếu Raglai và Churu không phải là thân dân Champa, họ có nghĩa vụ gì để gìn giữ của cải của vua chúa này. Trên thực tế, người Raglai và Churu, là

trọng trong những lễ tục tôn giáo mang tính chất quốc gia, như lễ Katé là một thí dụ điển hình. Lệnh cấm sự giao lưu giữa các dân tộc đồng bằng và miền núi sẽ làm tê liệt mọi hình thức của các lễ hội truyền thống này.

\*

Mặc dù đã quyết tâm thực thi chính sách đàn áp dân chúng, bằm nát các hệ thống tổ chức xã hội, kinh tế và tôn giáo của Panduranga và cắt đứt mọi sự liên lạc giữa nhóm đồng bằng với nhóm Đồng Nai Thượng, Minh Mệnh vẫn còn nghi rằng cội rễ của cuộc nổi dậy sẽ không còn nữa một khi triều đình Huế đã làm chủ thật sự an ninh trật tự ở Panduranga. Minh Mệnh cũng nghi rằng chính sách đồng hóa dân tộc Champa thành người Việt có thể đạt được kết quả, nếu triều đình Huế có một chính sách cứng rắn nhằm trừng phạt đúng mức quan lại người Việt có thái độ kiêu căng chỉ biết bóc lột dân bản xứ, nếu người dân Panduranga có can đảm đứng ra để tố cáo các quan lại sách nhiễu, ức hiếp dân chúng này. Khổ thay, những biện pháp mà Minh Mệnh đã ban hành chỉ là những cụm từ trống rỗng không nghĩa. Vì rằng, dân chúng Panduranga thời đó đã trở thành những kẻ vong quốc, không có can đảm để tố cáo quan lại người Việt có toàn quyền lực trên vấn đề sống chết đối với dân tộc mất nước này. Và dân tộc Chăm cũng chẳng có tiền bạc để trả các vụ án mà chính quan lại Việt Nam là người đứng ra xét xử, dù rằng người Chăm này là nạn nhân thật sự trong việc tố tụng<sup>99</sup>.

Vì không còn vua chúa, chính quyền và quân đội nữa, dân tộc Panduranga-Champa chỉ biết cúi đầu để qui phục, chấp nhận bao thống khổ và tang thương mà tác giả của bài thơ bất hủ *Ariya Gleng Anak* không ngần ngại đứng ra làm nhân chứng mà chúng tôi xin giới thiệu một khúc ở đây như là một phụ bản.

---

thần dân Champa, chỉ giữ những báu vật Champa thuộc về triều đại Po Romé mà thôi, vì Po Romé là tổ tiên của họ.

<sup>99</sup> Theo DNTLCB (XVI, trang. 144) những người dân bản xứ Champa luôn luôn là nạn nhân của cơ chế triều đình Huế. Vì các quan lại Việt Nam, một khi đã quấy nhiễu và áp bức dân tộc Champa, họ luôn luôn được luật pháp Việt Nam che chở.

**Phụ Bản***Ariya Gleng Anak*<sup>100</sup>

Từ mấy năm qua, *Ariya Gleng Anak* đã trở thành một chủ đề mà một số nhà nghiên cứu người Chăm thường đưa ra để bàn bạc, đấu khẩu và phân tích. Tiếc rằng các công trình nghiên cứu này bị vấp phải bao lỗi lầm về niên đại và ngữ nghĩa (nhất là từ gốc Phạn ngữ, A Rập, Mã Lai), chứa chấp bao sự sai lạc về xuất xứ của một tác phẩm rất có giá trị trên khía cạnh văn chương mà chúng tôi xem đó là một

---

<sup>100</sup> Tác phẩm *Ariya Gleng Anak* có nhiều dị bản hiện đang lưu trữ trong thư viện Pháp. Chúng tôi dùng bản của CHCPI-CAM 1 để phân tích trong bài này.

nhân chứng lịch sử duy nhất có thể giúp chúng ta hình dung được thế nào là cơ cấu xã hội truyền thống của người Chăm vào thời điểm sáng tác của bài thơ này, tức là vào năm 1834-1835.

Nhà nghiên cứu đầu tiên là Thiên Sanh Cảnh<sup>101</sup> cho rằng *Ariya Gleng Anak* là một bài sấm ký, tiên tri những sự kiện sẽ xảy ra ở Panduranga. Nối gót Thiên Sanh Cảnh là Inrasara<sup>102</sup>. Không cần đưa ra một dữ kiện lịch sử nào để minh chứng, Inrasara tự phỏng đoán rằng tác phẩm *Ariya Gleng Anak* ra đời vào cuối thế kỷ thứ 18, tức vào thời kỳ chiến tranh giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh. Thêm vào đó, Inrasara còn dựa trên một số câu có ngày tháng mà tác giả cũng không cần đặt lại vấn đề có chăng đây là ngày tháng của biến cố lịch sử thật sự hay chỉ là niên đại hư ảo, để rồi kết luận rằng *Ariya Gleng Anak* cùng «mang dáng vẻ sấm ký». <sup>103</sup>

Dựa trên các dữ kiện lịch sử đã xảy ra ở Panduranga, chúng tôi cho rằng *Ariya Gleng Anak* không phải là bài thơ sấm ký như Thiên Sanh Cảnh khẳng định, nhưng cũng không phải là tác phẩm ra đời vào thời Tây Sơn-Nguyễn Ánh (cuối thế kỷ thứ 18) như Inrasara phỏng đoán. Trên thực tế, *Ariya Gleng Anak* chỉ là một ký sự lịch sử đã xảy ra vào năm ngo (1834) và năm vị (1835), năm đánh dấu cho sự vùng dậy của Ja Thak Wak đòi quyền độc lập ở Panduranga. Đây là những minh chứng lịch sử mà chúng tôi muốn đưa ra ở đây.

Câu mở đầu của tác phẩm viết là: *Gleng anak linyaiy likuk jang oh hu*. Ai cũng biết, cụm từ *gleng anak* ở đây có nhiều nghĩa: «1. nhìn trước, ngó về phía trước. 2. tiên đoán về tương lai». Có chăng vì đã định nghĩa cụm từ *gleng anak* là «tiên đoán về tương lai» thành ra Thiên Sanh Cảnh và Inrasara cho rằng tác phẩm này có mang vẻ sấm ký? Đối với chúng tôi, *gleng anak* ở đây không có nghĩa là «tiên

<sup>101</sup> Thiên Sanh Cảnh, 1972-1973.

<sup>102</sup> Inrasara, 1994, tr. 205-206.

<sup>103</sup> Cũng trong *Văn Học Chăm* (1994) này, Inrasara còn tự tiện phỏng đoán niên đại cho nhiều tác phẩm văn học Chăm khác. Tác giả cho rằng Paoh Catuai, Ar Bangu ra đời vào thời Minh Mệnh, nhưng tác giả quên rằng Paoh Catuai hay Ar Bangu không phải là tên tác phẩm, nhưng là thể loại văn chương, cũng như dalukal, panuec pa-ndit, v.v. Inrasara tự đoán rằng tác phẩm viết về cuộc nổi loạn của Tuan Phaow ra đời vào thời Ja Thak Wa (1834-1835). Ngược lại, các nhà sử học ai cũng biết, Tuan Phaow vùng dậy vào năm 1796, v.v.

đoán» nhưng là «nhìn trước, ngó về phía trước. Vì có nhiều dị bản khác viết là : *Maong anak linyaiy likuk jang oh hu*.

Trong tác phẩm *Ariya Gleng Anak*, câu 4 và 6 có nhắc đến chiến tranh kinh hoàng và đẫm máu ở Bhum Kawei vào tháng 7 năm ngộ (*athaih*) mà bài thơ không cho biết là vào niên đại nào và Bhum Kawei nằm ở đâu? Cũng theo câu 4 và 6, chiến trường này đặt dưới quyền lãnh đạo của *Lengka* (một số bản khác viết là *Patao Lengka*, vua Kengka) và do ba vị quan quân sự (*pakar*) chỉ huy trực tiếp để chống lại quân phản loạn mà *Ariya Gleng Anak* cũng không nói rõ họ là ai. Trong câu 27, tác giả của bài thơ *Ariya Gleng Anak* cũng nhắc đến sự vùng dậy của dân tộc Churu chống người Chăm vào tháng 10 cùng trong năm ngộ (*athaih*) nhưng tác phẩm này cũng không nói rõ niên đại nào.

Vấn đề mà chúng tôi đặt ở đây, cuộc chiến tháng 7 năm ngộ (*athaih*) ở Bhum Kawei và cuộc chiến tháng 10 cùng năm ngộ (*athaih*) của dân tộc Churu trong tác phẩm *Ariya Gleng Anak* xảy ra dưới triều đại nào? Ai là vua *Lengka* trong bài thơ này và ba vị quan quân sự này (*klau pakar*) là ai và có vai trò gì? Bhum Kawei là địa danh ở đâu? Nếu trả lời cho bốn câu hỏi này tức là đã trả lời cho niên đại và nội dung của bài thơ *Ariya Gleng Anak*.

Sau khi lược qua các biến cố lịch sử đã diễn ra ở Panduranga từ ngày vùng dậy đầu tiên của nhân dân Champa chống Nam Tiến vào năm 1693, các ký lục Chăm<sup>104</sup> và biên niên sử Việt Nam<sup>105</sup> chỉ nói đến một chiến trường duy nhất đã xảy ra ở Bhum Kawei vào tháng 7 năm ngộ (*athaih*) của lịch Champa, đó là chiến trường giữa quân Minh Mệnh và Ja Thak Wa vào năm giáp ngộ (1834) tại khu vực Văn Lâm, Phan Rang, một làng Chăm cũng mang tên là Bhum Kawei. Cùng

<sup>104</sup> CAM 30 (17), tr. 50-51; CM 24 (5), tr. 168-169; CM 32 (6), tr. 103-103.

<sup>105</sup> QTCB, tr. 195, 197-198; MMCY, V, tr. 180-181; DNTLCB, XVI, tr. 77. Xem thêm, E. Aymonier, 1885, tr. 194; 1890, tr. 181. DNTLCB (XVI, tr. 197) còn cho rằng giáo cả người Chăm tên là Số Có (tên Chăm là Ja Thak Wa) là nhân vật lãnh đạo phong trào vùng dậy vào năm Giáp Ngộ (1834), tự tuyên xưng mình là Điền Sư (nhà sư của hòn núi Điền).

trong năm 1834, ký lục Chăm<sup>106</sup> và biên niên sử Việt Nam<sup>107</sup> chỉ nhắc đến một biến cố duy nhất của dân tộc miền cao chống lại người Chăm vào tháng 10 năm ngo (*athaih*) đó là sự vùng dậy vào năm giáp ngo (1834) của dân tộc Churu và Raglai mà chính Ja Thak Wa là người đứng ra tổ chức cuộc chiến để thanh trừng một số người Chăm không giám tham gia vào phong trào cách mạng của ông ta.

Cùng trong bài thơ này, vua *Lengka*, người ra lệnh tấn công Ja Thak Wa ở làng Văn Lâm vào năm Ngo 1834, không liên hệ gì với vua Tích Lan hay nước Tích Lan mà Inrasara tự phỏng đoán, nhưng là cụm từ để gọi hoàng đế Minh Mệnh. *Lengka* ở đây là gốc từ Phạn ngữ và Mã Lai (*lengakara*) có nghĩa là “trời, thiên”. *Patao Lengka* có nghĩa là «thiên hoàng hay hoàng đế», chỉ có thể thôi.

Lịch sử Cao Miên và Champa đã từng chứng minh rằng, trước triều đại Minh Mệnh, người Chăm chỉ dùng từ *Patao* (vua) và người Cao Miên dùng từ *Samdech* (vua) để gọi các vua chúa Việt Nam. Một khi lên ngôi, Minh Mệnh buộc người Chăm và Cao Miên không thể gọi ông ta là “vua” nữa nhưng là “hoàng đế”. Tiếc rằng, trong tiếng Chăm và Cao Miên không từ nào có nghĩa là hoàng đế. Thành vậy, người Chăm phải chế ra một từ tương đương đó là *patao lengka* (vua + thiên) nghĩa là «hoàng đế», còn Cao Miên lại dùng từ *Samdech Devata* (vua + thiên = hoàng đế)<sup>108</sup>.

Phần còn lại, đó là ba vị quan quân sự mà bài thơ này gọi là *kluw pakar*. Theo Inrasara (1996, tr. 143), *pakar* trong *Ariya Gleng Anak* có nghĩa là đồ vật. Trong ngôn ngữ Chăm, *pakar* có hai nghĩa: đồ vật; chuyên viên. Theo chúng tôi, *pakar* ở đây là gốc từ Mã Lai (*pakar*) có nghĩa là nhà chuyên môn dù quân sự, hành chánh hay về vấn đề gì đó. Thí dụ trong tiếng Chăm, *krah pakar* (ក្រាហ៍ ប៉ាការ) có nghĩa là thư ký, quan văn.

Theo DNTLCB (XVI, tr. 78-79), ba nhà quân sự Việt Nam lãnh đạo chiến trường ở Văn Lâm (Bhum Kawei) để dập tắt phong trào Ja Thak Wa vào năm *nathak athaih* (giáp ngo, 1834) là án sát tên là Phan Phu, tuần phủ Bình Thuận và Khánh Hòa tên là Dương Văn Phong và đặc phái viên của triều đình Huế tên là Lê Nguyên Trung. Vì bất tài

<sup>106</sup> CAM 30 (17), tr. 50-51.

<sup>107</sup> MMCY (V, tr. 180).

<sup>108</sup> Mak Phoeun, 1981, tr. 121-122.





3. *Gram sarawan*<sup>110</sup> *duis di hagait blaoh o thah,*  
*mbai tabuh*<sup>111</sup> *di grep narah, tagrang ka-ndaong pak halei.*

ໄຕ້ ກຳສາວານ ຫຼື ຫຼື ສາວານ ກຳສາວານ ຫຼື ຫຼື ,  
 ສາວານ ຫຼື ໄຕ້ ກຳສາວານ , ໄຕ້ ກຳສາວານ ກຳສາວານ ,,

«Quê hương xứ sở này có tội chi mà không gặp điều tốt,  
 đã cầu xin trên khắp thế gian này, nhưng còn bị vướng mắc nơi đâu».

Quê hương xứ sở này có tội chi mà không bao giờ có an bình.  
 Mặc dù nhân dân Champa đã cầu xin trên khắp trái đất này, nhưng an  
 bình này bị vướng mắc nơi đâu.

4. *Tel thun nathak athaih*<sup>112</sup> *nan ra*<sup>113</sup> *brei,*  
*apuei kadhira*<sup>114</sup> *mbeng palei, nager chai drut*<sup>115</sup> *merai.*

<sup>110</sup> Theo Thiên Sanh Cảnh (1-1972, tr. 14), *gram sarawan* có nghĩa là tổ quốc. Đường như không đọc bài nghiên cứu về *Ariya Glang Anak* của Thiên Sanh Cảnh đăng trong Nội San Panrang số 1, 1972, Inrasara (1996, tr. 143) cho rằng *sarawan* là tên nước Lào. Không ai hiểu được tại sao tác giả *Ariya Gleng Anak* lại nhắc đến Sarawan nước Lào trong câu này, một địa danh mà lịch sử Champa không bao giờ biết đến.

*Sarawan* có hai xuất xứ. Nếu *sarawan* là gốc từ Phạn ngữ, nó nghĩa là «tổ quốc, quê hương, xứ sở». Thế thì *gram sarawan* trong câu này là cụm từ tiếng Phạn lập lại nhưng chỉ có một nghĩa mà thôi: «quê hương, xứ sở». Nếu *sarawan* là từ gốc A Rập (đôi lúc viết là *nosarawan*, *nosirwan* và đôi lúc cũng viết là *sarawan*) thì *sarawan* này ám chỉ vương quốc Panduranga (Durand, 1907, p. 321; CAM 124 (3); CAM 145 (1)). Trong một sử liệu liên quan đến triều đại Po Phaok The (CM 29-1, tr. 199) có câu: *sa baoh nagar nosarawan abih lijang alin ka po* 𑄓𑄂𑄠𑄢𑄣𑄤𑄥𑄦𑄧𑄨𑄩𑄪𑄫𑄬𑄭𑄮𑄯𑄰𑄱𑄲𑄳𑄴𑄵𑄶𑄷𑄸𑄹𑄺𑄻𑄼𑄽𑄾𑄿𑅀𑅁𑅂𑅃𑅄𑅅𑅆𑅇𑅈𑅉𑅊𑅋𑅌𑅍𑅎𑅏𑅐𑅑𑅒𑅓𑅔𑅕𑅖𑅗𑅘𑅙𑅚𑅛𑅜𑅝𑅞𑅟𑅠𑅡𑅢𑅣𑅤𑅥𑅦𑅧𑅨𑅩𑅪𑅫𑅬𑅭𑅮𑅯𑅰𑅱𑅲𑅳𑅴𑅵𑅶𑅷𑅸𑅹𑅺𑅻𑅼𑅽𑅾𑅿𑆀𑆁𑆂𑆃𑆄𑆅𑆆𑆇𑆈𑆉𑆊𑆋𑆌𑆍𑆎𑆏𑆐𑆑𑆒𑆓𑆔𑆕𑆖𑆗𑆘𑆙𑆚𑆛𑆜𑆝𑆞𑆟𑆠𑆡𑆢𑆣𑆤𑆥𑆦𑆧𑆨𑆩𑆪𑆫𑆬𑆭𑆮𑆯𑆰𑆱𑆲𑆳𑆴𑆵𑆶𑆷𑆸𑆹𑆺𑆻𑆼𑆽𑆾𑆿𑇀𑇁𑇂𑇃𑇄𑇅𑇆𑇇𑇈𑇉𑇊𑇋𑇌𑇍𑇎𑇏𑇐𑇑𑇒𑇓𑇔𑇕𑇖𑇗𑇘𑇙𑇚𑇛𑇜𑇝𑇞𑇟𑇠𑇡𑇢𑇣𑇤𑇥𑇦𑇧𑇨𑇩𑇪𑇫𑇬𑇭𑇮𑇯𑇰𑇱𑇲𑇳𑇴𑇵𑇶𑇷𑇸𑇹𑇺𑇻𑇼𑇽𑇾𑇿𑈀𑈁𑈂𑈃𑈄𑈅𑈆𑈇𑈈𑈉𑈊𑈋𑈌𑈍𑈎𑈏𑈐𑈑𑈒𑈓𑈔𑈕𑈖𑈗𑈘𑈙𑈚𑈛𑈜𑈝𑈞𑈟𑈠𑈡𑈢𑈣𑈤𑈥𑈦𑈧𑈨𑈩𑈪𑈫𑈬𑈭𑈮𑈯𑈰𑈱𑈲𑈳𑈴𑈶𑈵𑈷𑈸𑈹𑈺𑈻𑈼𑈽𑈾𑈿𑉀𑉁𑉂𑉃𑉄𑉅𑉆𑉇𑉈𑉉𑉊𑉋𑉌𑉍𑉎𑉏𑉐𑉑𑉒𑉓𑉔𑉕𑉖𑉗𑉘𑉙𑉚𑉛𑉜𑉝𑉞𑉟𑉠𑉡𑉢𑉣𑉤𑉥𑉦𑉧𑉨𑉩𑉪𑉫𑉬𑉭𑉮𑉯𑉰𑉱𑉲𑉳𑉴𑉵𑉶𑉷𑉸𑉹𑉺𑉻𑉼𑉽𑉾𑉿𑊀𑊁𑊂𑊃𑊄𑊅𑊆𑊇𑊈𑊉𑊊𑊋𑊌𑊍𑊎𑊏𑊐𑊑𑊒𑊓𑊔𑊕𑊖𑊗𑊘𑊙𑊚𑊛𑊜𑊝𑊞𑊟𑊠𑊡𑊢𑊣𑊤𑊥𑊦𑊧𑊨𑊩𑊪𑊫𑊬𑊭𑊮𑊯𑊰𑊱𑊲𑊳𑊴𑊵𑊶𑊷𑊸𑊹𑊺𑊻𑊼𑊽𑊾𑊿𑋀𑋁𑋂𑋃𑋄𑋅𑋆𑋇𑋈𑋉𑋊𑋋𑋌𑋍𑋎𑋏𑋐𑋑𑋒𑋓𑋔𑋕𑋖𑋗𑋘𑋙𑋚𑋛𑋜𑋝𑋞𑋟𑋠𑋡𑋢𑋣𑋤𑋥𑋦𑋧𑋨𑋩𑋪𑋫𑋬𑋭𑋮𑋯𑋰𑋱𑋲𑋳𑋴𑋵𑋶𑋷𑋸𑋹𑋺𑋻𑋼𑋽𑋾𑋿𑌀𑌁𑌂𑌃𑌄𑌅𑌆𑌇𑌈𑌉𑌊𑌋𑌌𑌍𑌎𑌏𑌐𑌑𑌒𑌓𑌔𑌕𑌖𑌗𑌘𑌙𑌚𑌛𑌜𑌝𑌞𑌟𑌠𑌡𑌢𑌣𑌤𑌥𑌦𑌧𑌨𑌩𑌪𑌫𑌬𑌭𑌮𑌯𑌰𑌱𑌲𑌳𑌴𑌵𑌶𑌷𑌸𑌹𑌺𑌻𑌼𑌽𑌾𑌿𑍀𑍁𑍂𑍃𑍄𑍅𑍆𑍇𑍈𑍉𑍊𑍋𑍌𑍍𑍎𑍏𑍐𑍑𑍒𑍓𑍔𑍕𑍖𑍗𑍘𑍙𑍚𑍛𑍜𑍝𑍞𑍟𑍠𑍡𑍢𑍣𑍤𑍥𑍦𑍧𑍨𑍩𑍪𑍫𑍬𑍭𑍮𑍯𑍰𑍱𑍲𑍳𑍴𑍵𑍶𑍷𑍸𑍹𑍺𑍻𑍼𑍽𑍾𑍿𑎀𑎁𑎂𑎃𑎄𑎅𑎆𑎇𑎈𑎉𑎊𑎋𑎌𑎍𑎎𑎏𑎐𑎑𑎒𑎓𑎔𑎕𑎖𑎗𑎘𑎙𑎚𑎛𑎜𑎝𑎞𑎟𑎠𑎡𑎢𑎣𑎤𑎥𑎦𑎧𑎨𑎩𑎪𑎫𑎬𑎭𑎮𑎯𑎰𑎱𑎲𑎳𑎴𑎵𑎶𑎷𑎸𑎹𑎺𑎻𑎼𑎽𑎾𑎿𑏀𑏁𑏂𑏃𑏄𑏅𑏆𑏇𑏈𑏉𑏊𑏋𑏌𑏍𑏎𑏏𑏐𑏑𑏒𑏓𑏔𑏕𑏖𑏗𑏘𑏙𑏚𑏛𑏜𑏝𑏞𑏟𑏠𑏡𑏢𑏣𑏤𑏥𑏦𑏧𑏨𑏩𑏪𑏫𑏬𑏭𑏮𑏯𑏰𑏱𑏲𑏳𑏴𑏵𑏶𑏷𑏸𑏹𑏺𑏻𑏼𑏽𑏾𑏿𑐀𑐁𑐂𑐃𑐄𑐅𑐆𑐇𑐈𑐉𑐊𑐋𑐌𑐍𑐎𑐏𑐐𑐑𑐒𑐓𑐔𑐕𑐖𑐗𑐘𑐙𑐚𑐛𑐜𑐝𑐞𑐟𑐠𑐡𑐢𑐣𑐤𑐥𑐦𑐧𑐨𑐩𑐪𑐫𑐬𑐭𑐮𑐯𑐰𑐱𑐲𑐳𑐴𑐵𑐶𑐷𑐸𑐹𑐺𑐻𑐼𑐽𑐾𑐿𑑀𑑁𑑂𑑃𑑄𑑅𑑆𑑇𑑈𑑉𑑊𑑋𑑌𑑍𑑎𑑏𑑐𑑑𑑒𑑓𑑔𑑕𑑖𑑗𑑘𑑙𑑚𑑛𑑜𑑝𑑞𑑟𑑠𑑡𑑢𑑣𑑤𑑥𑑦𑑧𑑨𑑩𑑪𑑫𑑬𑑭𑑮𑑯𑑰𑑱𑑲𑑳𑑴𑑵𑑶𑑷𑑸𑑹𑑺𑑻𑑼𑑽𑑾𑑿𑒀𑒁𑒂𑒃𑒄𑒅𑒆𑒇𑒈𑒉𑒊𑒋𑒌𑒍𑒎𑒏𑒐𑒑𑒒𑒓𑒔𑒕𑒖𑒗𑒘𑒙𑒚𑒛𑒜𑒝𑒞𑒟𑒠𑒡𑒢𑒣𑒤𑒥𑒦𑒧𑒨𑒩𑒪𑒫𑒬𑒭𑒮𑒯𑒰𑒱𑒲𑒳𑒴𑒵𑒶𑒷𑒸𑒻𑒻𑒼𑒽𑒾𑒿𑓀𑓁𑓃𑓂𑓄𑓅𑓆𑓇𑓈𑓉𑓊𑓋𑓌𑓍𑓎𑓏𑓐𑓑𑓒𑓓𑓔𑓕𑓖𑓗𑓘𑓙𑓚𑓛𑓜𑓝𑓞𑓟𑓠𑓡𑓢𑓣𑓤𑓥𑓦𑓧𑓨𑓩𑓪𑓫𑓬𑓭𑓮𑓯𑓰𑓱𑓲𑓳𑓴𑓵𑓶𑓷𑓸𑓹𑓺𑓻𑓼𑓽𑓾𑓿𑔀𑔁𑔂𑔃𑔄𑔅𑔆𑔇𑔈𑔉𑔊𑔋𑔌𑔍𑔎𑔏𑔐𑔑𑔒𑔓𑔔𑔕𑔖𑔗𑔘𑔙𑔚𑔛𑔜𑔝𑔞𑔟𑔠𑔡𑔢𑔣𑔤𑔥𑔦𑔧𑔨𑔩𑔪𑔫𑔬𑔭𑔮𑔯𑔰𑔱𑔲𑔳𑔴𑔵𑔶𑔷𑔸𑔹𑔺𑔻𑔼𑔽𑔾𑔿𑕀𑕁𑕂𑕃𑕄𑕅𑕆𑕇𑕈𑕉𑕊𑕋𑕌𑕍𑕎𑕏𑕐𑕑𑕒𑕓𑕔𑕕𑕖𑕗𑕘𑕙𑕚𑕛𑕜𑕝𑕞𑕟𑕠𑕡𑕢𑕣𑕤𑕥𑕦𑕧𑕨𑕩𑕪𑕫𑕬𑕭𑕮𑕯𑕰𑕱𑕲𑕳𑕴𑕵𑕶𑕷𑕸𑕹𑕺𑕻𑕼𑕽𑕾𑕿𑖀𑖁𑖂𑖃𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥

តើ ចំណុច ណា មួយ ត្រូវ បាន ដក ចេញ ពី បញ្ជី ,  
ត្រូវ បាន ដក ចេញ ពី បញ្ជី , ត្រូវ បាន ដក ចេញ ពី បញ្ជី ,,

«Đến năm Ngọ người ta ra lệnh  
lửa thiên đốt cháy xóm làng, xú sở tang thương buồn tủi».

Vào năm ngọ (1834), Minh Mệnh ra lệnh biến thôn làng người Chăm thành tro bụi như lửa thiên đốt cháy và biến quê hương Panduranga này thành một xứ sở tang thương buồn tủi.

5. *Deng di pur khin mbeng parabat<sup>116</sup> o ka ramai<sup>117</sup>,  
nâh gep blaoh pabrai, menyum tathik khin ka thu.*

ឃ្នក ឃ្នក ត្រូវ បាន ដក ចេញ ពី បញ្ជី ឃ្នក ត្រូវ បាន ដក ចេញ ពី បញ្ជី ,  
ឃ្នក ត្រូវ បាន ដក ចេញ ពី បញ្ជី , ឃ្នក ត្រូវ បាន ដក ចេញ ពី បញ្ជី ,,

«Từ phía đông, đốt rừng núi chưa có bao nhiêu,  
lại chia nhau thành từng nhóm để uống khô nước đại dương».

Từ phía đông, Minh Mệnh ra lệnh cho người Chăm đốt phá núi rừng chưa có bao nhiêu, ông ta lại chia dân tộc này thành từng nhóm để uống khô nước đại dương (tức là phục dịch vô cùng khổ).

6. *Balan tajuh Lengka<sup>118</sup> merai sumu,*

Trong câu này, *chai drut* là cụm từ chỉ có nghĩa là: «giống như buồn phiền, buồn tủi» như Thiên Sanh Cảnh đã dẫn chứng.

<sup>116</sup> Theo Thiên Sanh Cảnh (1-1972, tr. 14), *parabat* có nghĩa là «cúi lạy, van xin». Tiếc rằng «cúi lạy, van xin» trong ngữ Chăm viết là *talabat* chứ không phải là *parabat*. Inrasara (1996, tr. 134) không dịch từ *parabat* trong bản dịch *Ariya Glang Anak* của ông ta.

Đúng ra, *parabat* là gốc Phạn ngữ (*parvata*) có nghĩa là «núi, núi non».

<sup>117</sup> Inrasara (1996, tr. 143) tách rời *ramai* thành hai chữ *ra mai* để dịch là «người đi trở lại».

*Ramai* không có nghĩa là «người đi trở lại» như Inrasara hiểu, nhưng từ là gốc Phạn ngữ (*ramya*), Mã Lai viết là *ramai* có nghĩa là «nhiều, đông đúc» (J. Gonda, 1973, tr. 533). Như thế *mbeng parabat o ka ramai* trong câu này có thể dịch là «đốt cháy núi non chưa nhiều cho lắm».

<sup>118</sup> Thiên Sanh Cảnh (1-1972, tr. 14) dịch *langka* là lửa thiên. Đúng ra *langka* là «thiên» chứ không thể là «lửa thiên» được.



ត្រែង អ្នកតែង ក្បែរ អ្នកតែង តាមត្រែង ឃ្លី ត្រែង ,  
ឆ្លែងតាមក្រែង ឃ្លី អ្នកតែង , តាមត្រែង ឃ្លី តាមត្រែង ,,

«Ba tiếng sấm vang lên đã làm chột dạ dày,  
làm rung động cả mặt đất và lung lay cả hàng dãy núi non».

Chiến tranh kinh hoàng vang lên đã làm cho nhân dân Champa phải chột dạ dày, rung động cả mặt đất và lung lay cả hàng dãy núi non.

8. *Ra caik tapeng cataik taduk luai phun,  
kaing agha pieh tanan, palai pajaih aia urang.*

និ ឆ្លែង ឆ្លែង ឆ្លែង ឆ្លែង ឆ្លែង ឆ្លែង ,  
ឃ្លី ត្រែង តាមត្រែង និ ត្រែង , ឆ្លែង តាមត្រែង ឆ្លែង ត្រែង ,,

«Người ta duy trì gốc và thân cây, nhưng người ta lại cắt chồi lá,  
búng rễ để một bên, để tiêu diệt đi giống nòi của nó».

Sự tồn tại của dân tộc Champa không khác gì như sự sinh tồn của một cây cỏ thụ. Nếu Minh Mệnh giữ lại gốc và thân cây này, nhưng ông ta lại cắt bỏ đi chồi lá và búng rễ để một bên, có chăng đó chỉ là chính sách diệt giống nòi người khác.

9. *Ra caik ulik<sup>122</sup> daok pakhik phun darang<sup>123</sup>,*

<sup>121</sup> Thiên Sanh Cảnh (1-1972, tr. 14) cho rằng *tajot sala* có nghĩa là «náo động, nghiên ngựa». Chỉ dựa trên ý nghĩa của câu thơ, Inrasara (1996, tr. 143) tự đoán rằng *tajot sala* có nghĩa là «âm cung», nhưng tác giả cũng không cho biết tại sao? Theo chúng tôi, *tajot* trong câu này là gốc từ Mã Lai (*tajuk*) có nghĩa là «tùng, dãy». Còn *sala* là gốc từ Phạn ngữ (*śilā*) có nghĩa «son thạch, núi non». *Tajot sala* có nghĩa là từng dãy núi non chứ không có nghĩa «âm cung» như Inrasara phỏng đoán.

<sup>122</sup> Theo Thiên Sanh Cảnh (1-1972, tr. 14), *ulik* là Bắc Việt, ám chỉ người Việt Nam. Cách giải thích này chỉ là sự phỏng đoán hoàn toàn. Ngược lại, Inrasara (1996, tr. 143) cho rằng *ulik* là từ ám chỉ vương quốc Đại Việt hay nhóm Tây Sơn, nhưng tác giả cũng không giải thích tại sao. *Ulik* lần đầu tiên xuất hiện trên bia đá Mỹ Sơn vào thế kỷ thứ 8 ám chỉ một chức vị của quan lại (L. Finot, 1904, tr. 916). Tiếc rằng, nghĩa này không phù hợp trong câu 9 của bài thơ.

*dí grep tapien ra pawang, pa-mbuk pajaih nan ka drei.*

၎် စခၢၣ် ဂၢၢ်ၣ် ခၢၣ်ၣ် ဖၢၢ်ၣ်ၣ် ဝၢၣ်ၣ် ၵၢၣ် ,  
 ၵၢၣ် ၵၢၣ်ၣ် ဝၢၣ်ၣ်ၣ် ၵၢၣ်ၣ်ၣ် , ဖၢၢ်ၣ်ၣ် ဝၢၣ်ၣ်ၣ် ၵၢၣ်ၣ် ၵၢၣ် ,,

«Người ta bắt kẻ phản nghịch để chăm sóc cây điên điên,  
 Người ta ngăn chặn mọi hải cẩu, đó là cách bảo tồn giống nòi».

Minh Mệnh ra lệnh rằng quân phản nghịch (*ulik*, tức là nhóm người Chăm theo Ja Thak Wa) chỉ dùng để chăm sóc cây điên điên mà thôi. Phải bao vây tất cả hải cẩu để ngăn chặn Ja Thak Wa tiếp xúc

Theo chúng tôi, *ulik* ở đây là gốc từ Mã Lai (*ulik*) có nghĩa là «địch thủ, kẻ đối phương, nhóm phản nghịch» không cần biết họ là ai, dù họ là dân tộc Champa hay Việt Nam đi nữa.

Trong tác phẩm *Hatai Paran* (Po Dharma.... *Reproduction*, 2003), *ulik* xuất hiện nhiều lần với nghĩa «đối phương, kẻ xâm lược» :

*meng dahlau hu po daok pakreng,*  
*ra parabha bhum negar, ka ulik daok karei (câu 11).*

Vào thời điểm còn vua chúa để cai trị xứ sở,  
 người ta chia đất đai để kẻ xâm lược sống riêng rẽ ra.

*baruw mang hu ka negar bha ulik,*  
*blaoh mang Jek nyu tak kraik, ka meng nyu huec ka-nda (câu 69).*

Một khi vương quốc rơi vào tay của kẻ xâm lược,  
 người Việt Nam chặt cây thanh liêm màu nhiệm, có thể [người Chăm] mới khiếp sợ.

Trong câu 9 của bài thơ này, chúng tôi nghĩa rằng *ulik* ám chỉ nhóm phản nghịch của Ja Thak wa.

<sup>123</sup> *phun darang* là «cây điên điên». Ngược lại, Inrasara (1996, 143) cho rằng *phun darang* là cụm từ nhân cách hóa để chỉ cho xứ sở Pandarang (Panduranga). Đây là một lý luận không vững chắc. Có chăng vì âm ảnh *ulik* ám chỉ «Tây Sơn» chứ không phải là «kẻ phản nghịch» (tức là nhóm Ja Thak Wa), thành Inrasara cho rằng *phun darang* là xứ sở Pandarang để câu này có nghĩa. Có lẽ nào Tây Sơn lại đi giữ cây điên điên.

Pandarang là từ rất thông dụng trong văn chương Chăm và Pandarang cũng được tác giả *Ariya Gleng Anak* dùng trong câu 32 :

*juk hajan sup lingik yuw khin drah,*  
*khin lam apuei sak narah, di Prangdarang drei tak ni.*

Thêm vào đó, tất cả dị bản của *Ariya Gleng Anak* đều viết *phun darang* chứ không phải là *phun pandarang*.

Nếu *Ariya Gleng Anak* dùng *phun darang* là vì bài thơ này muốn nhấn mạnh: Minh Mệnh cho rằng những người *ulik* hay là kẻ «phản nghịch» (tức làm nhóm Ja Thak Wa) là những kẻ chỉ dùng để giữ cây điên điên. Chỉ có thể thôi.

với thương thuyền nước ngoài, Minh Mệnh nói đó là phương cách bảo vệ giống nòi Champa.

**10. Grum menyî riyak tathrot kayuw megei,  
sa-ai o krân ka adei, mik o krân lac kamuen.**

ធ្លែ រត់ចៅ ទីពាក្យ ចៅចៅ កាព្រហ្ម រត់ចៅ ,  
សុខខ្លួន ផ្លូវ ធ្លែ រត់ ឆ្មា ឆ្មា , រត់ ផ្លូវ ធ្លែ រត់ កាព្រហ្ម ,,

«Sấm vang động, biển dậy sóng, cây cối ngã nghiêng,  
anh không biết gì đến em, chú không còn nhìn nhận cháu».

Chiến tranh kinh hoàng giữa Minh Mệnh và Ja Thak Wa như tiếng sấm vang, như biển dậy sóng, như cây cối ngã nghiêng đã làm đảo lộn hoàn toàn tôn ti trật tự của người Champa thời đó đến nỗi anh không biết gì đến em, chú không còn nhìn nhận cháu là ai nữa. Đây là thời buổi loạn luân nhất trong xã hội người Chăm. Nếu một số người Chăm vùng dậy theo cách mạng Ja Thak Wa, nhưng một số người khác lại quì lạy triều đình Huế để tìm công trạng hay danh vọng mà chúng tôi đã đôn cử ở phần trên.

**11. Mboh mabai saong janâk dom di on,  
dhar phuen calah caluen, ra mâk di drei nao dahluw.**

មហា មហា មហា មហា មហា មហា មហា ,  
មហា មហា មហា មហា មហា មហា មហា ,,

«Thấy xấu ác, người dân lại càng vui thú,  
đạo đức tang hoang, người ta cướp giạt đem đi ngay lúc ban đầu».

Một khi quốc gia bị sụp đổ, dân tộc Champa không còn biết đâu là chân lý đạo đức nữa. Một số người Chăm chỉ biết lấy hận thù và hiềm khích làm niềm vui sướng, thế thì làm sao đạo đức của xã hội Chăm thời đó còn tồn tại. Có chăng Minh Mệnh đã có ý chôn vùi truyền thống xã hội của Champa từ lâu mà người Chăm không biết.

### Tài Liệu Trích Dẫn

Aymonier, E.,

– *Le Champa et les Chams*, Mnuscrit du Fonds de la Société Asiatique de Paris, 1885.

– «Légendes historiques des chams», trong *Excursions et Reconnaissances*, XIV (32), 1890, trang 145-206.

*Bản Triều Ban Nghịch Liệt Truyện (BTBNLT)*,

Viện Đại Học Huế, Huế 1961.

CAM 29 (1); CAM 30 (10); CAM 30 (17); CAM 124 (3); CAM 137 (4); CAM 145 (1); CAM 149 (5).

CAM MICRO 18 (1); CAM MICRO 66 (2).

CHCPI-CAM 1.

CM 24 (5); CM 26 (4); CM 26 (14); CM 29 (1); CM 30 (17); CM 32(5); CM 32 (6)<sup>124</sup>.

Dorohiem và Dohamide,

*Dân tộc Chăm Lạc Sứ*, Hiệp Hội Chăm Hồi Giáo Việt Nam, Saigon, 1965.

*Đại Nam Nhất Thống Chí (DNNTC)*,

Quyển XII. Tỉnh Ninh Thuận phụ đạo Phan Rang, Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Sài Gòn, 1965.

*Đại Nam Thực Lục Chính Biên (DNTLCB)*

Tập I-XVI. Viện Sử Học, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1962-1966.

Durand, E.,

«Les Basé», trong *BEFEO*, VII, 1907, trang 313-321.

*Hoàng Việt Giáp Tĩ Niên Biểu (HVGTTNB)*,

Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Sài Gòn, 1963.

Inrasara,

– *Văn Học Chăm*, Nhà Xuất Bản Văn Hóa Dân Tộc, 1994.

– *Văn Học Chăm II. Trường Ca*, Nhà Xuất Bản Văn Hóa Dân Tộc, 1996.

---

<sup>124</sup> CAM, CM, CHCPI, CAM MICROFILM là sách cổ Chăm hiện lưu trữ ở Pháp. Về nội dung của các tác phẩm này, xin xem P-B. Lafont, Po Dharma, Nara Vija, *Catalogue des manuscrits cam des bibliothèques françaises*, Paris, 1977.

- Gonda, J.,  
*Sanskrit in Indonesia*, 2e édition, International Academy of Indian Culture, New Delhi, 1973.
- Mak Phoeun,  
*Chroniques royales du Cambodge (de 1594 ) 1677)*, Traduction française avec comparaison des différentes versions et introduction, Paris, Publ. de l'EDEO, 1981.
- Minh Mệnh Chính Yếu (MMCY)*,  
 – Tập I. Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Saigon, 1972.  
 – Tập II. Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa, Saigon, 1972.  
 – Tập III. Bộ Văn Hóa và Thanh Niên, Saigon, 1974.  
 – Tập IV. Bộ Văn Hóa và Thanh Niên, Saigon, 1974.  
 – Tập V. Bộ Văn Hóa và Thanh Niên, Saigon, 1974.  
 – Tập VI. Bộ Văn Hóa và Thanh Niên, Saigon, 1974.
- Nghiêm Thẩm,  
 «Di thăm kho tàng của các vua Chăm», trong *Văn Hóa Nguyệt San*, số 56, 1960, trang 1359-1366 ; số 57, 1960, trang 1567-1575.
- Nguyễn Phan Quang,  
 «Le mouvement paysan vietnamien dans la première moitié du XIXe siècle», trong *Cahiers d'études vietnamiennes*, số 1981-1982, trang 14-24.
- Parmentier, H. et Durand, E.,  
 «Le trésor des rois chams», trong *BEFEO*, V, 1905, trang 1-46.
- Po Dharma,  
 – *Chroniques du Panduranga*, Luận án Cao Học, EPHE, IVe section, Sorbonne, Paris, 1978.  
 – «Notes sur les cam du Cambodge», trong *Seksa Khmer*, số 3-4, 1981, trang 161-183.  
 – *Le Panduranga-Campa (1802-1835), ses rapports avec le Vietnam*, tập I và II, Paris, 1987.  
 – «Les Frontières du Campa (Dernier état des recherches)», trong *Histoire des Frontières de la Péninsule Indochinoise. I.- Les Fontières du Vietnam*, L'Harmattan, Paris, 1989, p. 128-135.
- Po Dharma, Abd. Karim, Nicolas Weber, Majid Yunos,  
*Reproduction des manuscrits cam N. 1: Contes, Epopées, Textes versifiés*, Department of Museums and Antiquities Malaysia et EFEO, Kuala Lumpur 2003.

*Quốc Triều Chánh Biên (QTCB),*

Saigon, 1971.

Schreiner, A.,

*Les institutions annamites en Basse Cochinchine avant la conquête française*, tập I, Saigon, 1900.

Sylvestre, J.,

*L'insurrection de Gia Dinh. La révolte de Le Van Khoi (1832-1834)*, La Revue Indochinoise, Hanoi, 1915.

Thiên Sanh Cảnh,

«Ariya Glang Anak», in *Nội San Panrang*, số 1, 9-1972, tr. 14-14; số 2, 11-72, tr. 28-29; số 3, 1-1973, tr. 4-7; số 4, 4-1973, tr. 10-13; số 5, 6-1973, tr. 2-7; số 6, 9-73, tr. 18-23.

Trần Trọng Kim,

*Việt Nam Sử Lược*, quyển II, Saigon, 1971.

Truong Vinh Ky,

*Cours d'histoire annamite à l'usage des écoles de la Basse-Cochinchine*, Vol. I et II, Saigon, 1875 et 1879.